

CÔNG TY CỔ PHẦN X20  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 681 /GM-HĐQT

Địa chỉ 35 Phan Đình Giót,

Phường Phương Liệt, TP Hà Nội

Tel: 0243.8643381;

Fax: 0243.8641208 Giấy chứng nhận

ĐKKD do Sở Tài Chính TP Hà Nội

cấp số: 375520/25 ngày 15/8/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

GIẤY MỜI

Dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần X20 trân trọng kính mời ông (bà) là cổ đông của Công ty về dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

**1. Thời gian:** Từ 08h00 ngày 22 tháng 06 năm 2026.

**2. Địa điểm:** Hội trường Công ty CP X20, 35 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Hà Nội.

**3. Thành phần:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần X20 theo danh sách chốt tại ngày đăng ký cuối ngày 20/05/2026.

**4. Nội dung:** Chương trình làm việc, thông tin, các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sẽ được công bố trên Website: [www.gatexco20.com.vn](http://www.gatexco20.com.vn) của Công ty cổ phần X20.

**5. Các trường hợp khác**

Trường hợp Quý cổ đông không sắp xếp tham dự Đại hội được có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (*Mẫu Giấy ủy quyền lấy Website Công ty*)

- Mỗi cổ đông được ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Cổ đông đại diện được ủy quyền khi đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo giấy tùy thân có giá trị pháp luật.

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội và gửi lại cùng giấy ủy quyền (nếu ủy quyền) cho Công ty chậm nhất đến ngày 18/06/2026 (Gửi bưu điện hoặc Fax về số 024.38.641.208). Nơi nhận: Phòng Chính trị - Hành chính, Công ty CP X20 - 35 Phan Đình Giót, Phương Liệt - TP Hà Nội. Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ số.

ĐT: 024.38643381 - 0989277582.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần X20 trân trọng kính mời Quý vị Cổ đông./. 



Chu Văn Đệ

**\*Phản xác nhận của Quý Cổ đông:**

☐ Tham dự ĐH ☐ Không tham dự ĐH ☐ Ủy quyền tham dự ĐH.


**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
 (Ngày **X 20** /2026)

| THỜI GIAN   | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | CHỦ TRÌ                         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 07h30-08h00 | Đón tiếp đại biểu, đăng ký cổ đông và phát tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | BTC                             |
| 08h00-08h15 | - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội;<br>- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội;<br>- Thông qua Quy chế làm việc; Chương trình Đại hội;<br>- Bầu Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | BTC, BKS                        |
| 08h15-10h15 | - Hứa hẹn, phân công trong Đoàn chủ tịch<br>- Khai mạc<br><b>HDQT, BDH, BKS báo cáo và trình Đại hội nội dung:</b><br>- Báo cáo thường niên năm 2025 của HDQT;<br>- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng năm 2026;<br>- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;<br>- Báo cáo thường niên năm 2025 của Ban Kiểm soát;<br>- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;<br>- Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025, kế hoạch năm 2026<br>- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính năm 2026;<br>- Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;<br>- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của HDQT Công ty;<br>- Tờ trình về chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030<br>- Tờ trình về bầu bổ sung thành viên HDQT nhiệm kỳ 2024-2029; | Đoàn chủ tịch<br>HDQT, BDH, BKS |
|             | - Đại hội thảo luận, cho ý kiến về các nội dung đã trình;<br>- Đại diện chủ sở hữu Nhà nước phát biểu-đáp từ;<br>- Kết luận phần thảo luận.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đoàn chủ tịch                   |
|             | - Biểu quyết (bầu ban kiểm phiếu, xin ý kiến Đại hội để biểu quyết các nội dung vào 1 lần). Ban kiểm phiếu hướng dẫn biểu quyết; thu phiếu biểu quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đoàn chủ tịch;<br>Ban KP        |
| 10h15-10h30 | <b>Đại hội giải lao</b> (Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | BTC, BKP                        |
| 10h30-11h00 | - Công bố kết quả bỏ phiếu biểu quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đoàn chủ tịch,<br>Ban KP        |
|             | - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thư ký ĐH                       |
|             | - Bế mạc Đại hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | BTC                             |

**BAN TỔ CHỨC**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## BÁO CÁO

### **Kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20

- Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi; Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và Điều lệ công ty Cổ phần X20;

- Căn cứ vào qui chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát;

- Căn cứ vào các báo cáo: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) kiểm toán số 0903.02-26/BC-TC/VAE ngày 09/03/2026), Báo cáo đánh giá công tác Ban quản lý điều hành Công ty, của Hội đồng Quản trị năm 2025;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần X20 với các nội dung cụ thể như sau:

## **I. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành Công ty trong năm 2025, qua thẩm định báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE), Ban kiểm soát xin báo cáo như sau:

### **1. Kết quả hoạt động của Công ty cổ phần X20 năm 2025.**

Năm 2025 là năm Công ty tiếp tục phải đương đầu với rất nhiều khó khăn do kinh tế thế giới diễn biến phức tạp. Chi phí nguyên phụ liệu, năng lượng và logistics duy trì ở mức cao, trong khi giá đơn hàng xuất khẩu chưa có dấu hiệu phục hồi rõ nét. Áp lực tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải carbon, trách nhiệm xã hội, truy xuất nguồn gốc, yêu cầu về sản xuất xanh và phát triển bền vững ngày càng gia tăng, đặc biệt đối với các thị trường xuất khẩu trọng điểm. Bên cạnh đó, chính sách thuế quan và bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ tiếp

tục tác động lớn đến thị trường xuất khẩu của Công ty, làm gia tăng rủi ro và chi phí trong hoạt động kinh doanh. Cạnh tranh trong khu vực ngày càng gay gắt khi các quốc gia như Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia...không ngừng mở rộng năng lực sản xuất, tận dụng lợi thế về lao động và chính sách, trong khi đó yêu cầu của khách hàng quốc tế về chất lượng, tiến độ giao hàng và tiêu chuẩn ESG ngày càng cao. Song dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt của Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành việc làm của người lao động vẫn được duy trì đều đặn, thu nhập tăng trưởng, đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra trong thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025, đặc biệt đã sản xuất hàng A50, A80, K24 đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng được khách hàng đánh giá cao.

Các chỉ tiêu đạt được như sau:

+ Tổng doanh thu và thu nhập khác: 1.121,44 tỷ đồng, đạt 106,8% kế hoạch năm (1.121,44 tỷ đồng/ 1.050 tỷ đồng), chỉ đạt 85,9% so cùng kỳ năm 2024;

+ Lợi nhuận trước thuế: 44,28 tỷ đồng, đạt 126,5% kế hoạch năm (44,28 tỷ đồng/35 tỷ đồng), chỉ đạt 76,9% so cùng kỳ năm 2024;

+ Nộp ngân sách: 50,50 tỷ đồng, chỉ đạt 92,7% so kế hoạch năm (50,50 tỷ đồng/54,5 tỷ đồng), chỉ đạt 80,4% so cùng kỳ năm 2024;

+ Thu nhập BQ người lao động: 13.259.264 đồng/người/tháng, đạt 117,34% so kế hoạch năm (13.259.264 đồng/11.300.000 đồng), đạt 111,7% so cùng kỳ năm 2024;

+ Chia cổ tức: Mức cổ tức kế hoạch là 10%, dự kiến chi trả là 10%.

- Về Cơ cấu tổ chức, Công tác quản trị: Năm 2025 Công ty sắp xếp lại mô hình biên chế Xí nghiệp đo may Quân đội; Xí nghiệp Thương Mại cơ cấu lại thành bộ phận TMDV; Trường Mầm Non thu gọn bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế; Giao cho khách sạn Seasoul quản lý và khai thác nhà công vụ và toà nhà 202 Tô Hiến Thành; Thành lập và triển khai hoạt động phòng Nghiên cứu phát triển; Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp; Tổ chức đào tạo lãnh đạo chuyển đổi, xây dựng đề cương và đào tạo VHDN nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo quản lý; Rà soát, điều chỉnh hệ thống quy chế Công ty phù hợp với hệ thống Quy chế TCHC-KT; Triển khai thiết kế lại bộ phận nhận diện thương hiệu bao gồm logo, gian trưng bày, Catalogue, bao bì và nhãn mác các sản phẩm.

- Về tổ chức quản lý sản xuất: Công ty đang từng bước áp dụng chuyển đổi số trong quản lý sản xuất phần mềm Tre; duy trì quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, các tiêu chuẩn đánh giá nhà máy; Công ty đã ứng dụng CNTT vào sản xuất theo phương pháp lọc, ghép số đo để triển khai cắt hàng đo may; đầu tư trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành may, dây chuyền nhuộm liên tục tại X20 Nam Định đã nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 23/04/2025; Cải tiến

phương pháp, quy trình quản lý sản phẩm, bám sát nguồn hàng để đảm bảo tốt nguồn vốn cho sản xuất; Công ty đã triển sản xuất hàng A50, A80 phục vụ điều binh, diễu hành kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng Miền Nam và 80 năm Quốc khánh 2/9, cùng các đơn hàng phục vụ khẩn cấp, ủng hộ đồng bào vùng bão lụt Miền Bắc và Miền Trung, sản xuất hàng FOB chỉ định tại X20 Thanh Hoá đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng được khách hàng đánh giá cao; năm 2025 nguồn vốn lưu động của Công ty được đảm bảo một cách chủ động.

- Về giải quyết các khoản tồn đọng tài chính: Đã tiến hành thanh xử lý một số vật tư, hàng hóa, MMTB, CCDC hỏng không có nhu cầu sử dụng theo đúng quy định; Trong năm không phát sinh công nợ khó đòi mới.

## 2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025.

Ban kiểm soát đã xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE), Ban kiểm soát thống nhất với số liệu của VAE, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Trên cơ sở đó Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 số liệu cụ thể như sau:

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2025 (DẠNG RÚT GỌN)

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                             | Tại ngày<br>31/12/2025 | Tại ngày<br>31/12/2024 | So sánh 31/12/2025<br>với 31/12/2024 |               |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------|
|                                      |                        |                        | Số tiền                              | Tỷ lệ         |
| (1)                                  | (2)                    | (3)                    | (4= 2-3)                             | (5= 2/3)      |
| <b>I/TỔNG TÀI SẢN</b>                | <b>599,21</b>          | <b>689,07</b>          | <b>-89,86</b>                        | <b>87,0%</b>  |
| <b>1/Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>406,41</b>          | <b>498,60</b>          | <b>-92,19</b>                        | <b>81,5%</b>  |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 132,74                 | 231,09                 | -98,35                               | 57,4%         |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 25,90                  | 0,40                   | 25,50                                | 6.476,0%      |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn        | 101,89                 | 75,13                  | 26,76                                | 135,6%        |
| - Hàng tồn kho                       | 142,03                 | 178,24                 | -36,22                               | 79,7%         |
| - Tài sản ngắn hạn khác              | 3,85                   | 13,74                  | -9,89                                | 28,0%         |
| <b>2/Tài sản dài hạn</b>             | <b>192,80</b>          | <b>190,47</b>          | <b>2,33</b>                          | <b>101,2%</b> |
| - Tài sản cố định                    | 173,61                 | 171,78                 | 1,83                                 | 101,1%        |
| - Tài sản dở dang dài hạn            | 2,35                   | 2,49                   | -0,14                                | 94,5%         |

| Chỉ tiêu                            | Tại ngày<br>31/12/2025 | Tại ngày<br>31/12/2024 | So sánh 31/12/2025<br>với 31/12/2024 |               |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------|
|                                     |                        |                        | Số tiền                              | Tỷ lệ         |
| - Đầu tư Tài chính dài hạn          | 3,93                   | 3,61                   | 0,32                                 | 108,9%        |
| - Tài sản dài hạn khác.             | 12,90                  | 12,59                  | 0,32                                 | 102,5%        |
| <b>II/ TỔNG NGUỒN VỐN</b>           | <b>599,21</b>          | <b>689,07</b>          | <b>-89,86</b>                        | <b>87,0%</b>  |
| <b>1/ Nợ phải trả</b>               | <b>307,11</b>          | <b>399,38</b>          | <b>-92,27</b>                        | <b>76,9%</b>  |
| - Nợ ngắn hạn                       | 294,67                 | 381,28                 | -86,61                               | 77,3%         |
| - Nợ dài hạn                        | 12,44                  | 18,10                  | -5,66                                | 68,7%         |
| <b>2/ Vốn chủ sở hữu</b>            | <b>292,11</b>          | <b>289,70</b>          | <b>2,41</b>                          | <b>100,8%</b> |
| - Vốn góp của chủ sở hữu            | 172,50                 | 172,50                 | 0                                    | 100%          |
| - Quỹ đầu tư phát triển             | 87,12                  | 69,78                  | 17,34                                | 124,9%        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 32,49                  | 47,42                  | -14,93                               | 68,5%         |

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                               | Thực hiện<br>năm 2025 | Thực hiện<br>năm 2024 | So sánh TH 2025/2024 |                 |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------|
|                                                        |                       |                       | Số tiền              | Tỷ lệ %         |
| (1)                                                    | (2)                   | (3)                   | (4 = 2 - 3)          | (5 = 2/3)       |
| <b>1. Doanh thu và thu nhập khác</b>                   | <b>1.121,44</b>       | <b>1.305,01</b>       | <b>-183,57</b>       | <b>85,9%</b>    |
| - Doanh thu thuần về BH và CCDV                        | 1.115,55              | 1.301,77              | -186,22              | 85,7%           |
| - Doanh thu hoạt động tài chính                        | 3,76                  | 2,32                  | 1,44                 | 161,9%          |
| - Thu nhập khác                                        | 1,43                  | 0,30                  | 1,14                 | 484,7%          |
| - LN trong công ty LDLK                                | 0,71                  | 0,62                  | 0,09                 | 113,6%          |
| <b>2. Lợi nhuận gộp về BH, CCDV</b>                    | <b>199,53</b>         | <b>239,54</b>         | <b>-40,01</b>        | <b>83,3%</b>    |
| <b>3. Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết</b> | <b>0,71</b>           | <b>0,62</b>           | <b>0,09</b>          | <b>113,6%</b>   |
| <b>4. Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>                      | <b>42,96</b>          | <b>57,60</b>          | <b>-14,64</b>        | <b>74,6%</b>    |
| <b>5. Lợi nhuận khác</b>                               | <b>1,32</b>           | <b>-0,04</b>          | <b>1,27</b>          | <b>3.080,3%</b> |
| <b>6. Lợi nhuận trước thuế</b>                         | <b>44,28</b>          | <b>57,56</b>          | <b>-13,28</b>        | <b>76,9%</b>    |
| <b>7. Lợi nhuận sau thuế (LNST)</b>                    | <b>34,74</b>          | <b>45,22</b>          | <b>-10,48</b>        | <b>76,8%</b>    |
| <b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)</b>              | <b>1.781</b>          | <b>1.958</b>          | <b>-177</b>          | <b>91,0%</b>    |

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2025

| Chỉ tiêu                                     | Tại ngày<br>31/12/2025         | Tại ngày<br>31/12/2024         |
|----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| <b>1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b> |                                |                                |
| 1.1. Cơ cấu tài sản                          |                                |                                |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản              | 67,8%                          | 72,4%                          |
| - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản              | 32,2%                          | 27,6%                          |
| 1.1. Cơ cấu nguồn vốn                        |                                |                                |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                 | 0,51 lần                       | 0,58 lần                       |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn              | 0,49 lần                       | 0,42 lần                       |
| - Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu                 | 1,05 lần                       | 1,38 lần                       |
| <b>2. Khả năng thanh toán</b>                |                                |                                |
| - Hệ số khả năng thanh toán hiện thời        | 1,38 lần                       | 1,31 lần                       |
| - Hệ số khả năng thanh toán nhanh            | 0,90 lần                       | 0,84 lần                       |
| - Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền        | 0,45 lần                       | 0,61 lần                       |
| <b>3. Chất lượng lợi nhuận</b>               | <b>Tại ngày<br/>31/12/2025</b> | <b>Tại ngày<br/>31/12/2024</b> |
| - Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần              | 17,9%                          | 18,4%                          |
| - Lợi nhuận kinh doanh/Doanh thu thuần       | 3,9%                           | 4,4%                           |
| - Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần       | 4,0%                           | 4,4%                           |
| - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần         | 3,1%                           | 3,5%                           |
| <b>4. Hiệu suất đầu tư kinh doanh</b>        |                                |                                |
| - Lợi nhuận ST/Tổng TSBQ (ROA)               | 5,4%                           | 7,1%                           |
| - Lợi nhuận ST/Vốn CSHBQ (ROE)               | 11,9%                          | 16,5%                          |
| - Lợi nhuận ST/Vốn Điều lệ                   | 20,1%                          | 26,2%                          |

Đánh giá:

\* Về số liệu tài sản, nguồn vốn và các chỉ số tài chính

- Tổng tài sản: Tại thời điểm 31/12/2025 so với thời điểm 31/12/2024 giảm 13% tương đương 89,86 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn giảm 18,5% tương đương 92,19 tỷ đồng, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 42,6% tương đương 98,35 tỷ đồng; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 6.376,0% tương đương 25,50 tỷ đồng; Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 35,6% tương đương 26,76 tỷ đồng; Hàng tồn kho giảm 20,3% tương đương 36,22 tỷ đồng một số các thành phẩm hàng Quốc phòng, gia công xuất khẩu và hàng kinh tế nội địa đã chủ động xuất kho được nhiều hơn so với thời điểm cuối năm 2024; Tài sản ngắn hạn khác giảm 72% tương đương 9,89 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 1,2%

tương đương 2,33 tỷ đồng, trong đó: Tài sản cố định tăng 1,1% tương đương 1,83 tỷ đồng; Tài sản dở dang dài hạn giảm 5,5% tương đương 0,14 tỷ đồng; Đầu tư tài chính dài hạn tăng 8,9% tương đương 0,32 tỷ đồng; Tài sản dài hạn khác tăng 2,5% tương đương 0,32 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn: Giảm 13% tương đương 89,86 tỷ đồng. Nợ phải trả giảm 23,1% tương đương 92,27 tỷ đồng, trong đó: Dự phòng phải trả ngắn hạn là 12,4 tỷ đồng (trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá) và khoản vay dài hạn và ngắn hạn là 10,5 tỷ đồng (Để đầu tư dây chuyền nhuộm liên tục, hoàn tất tại Công ty TNHH MTV X20 Nam Định). Vốn chủ sở hữu tăng 0,8%, trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi; Quỹ đầu tư phát triển tăng 17,34 tỷ đồng tương đương 24,9%; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 31,5% tương đương 14,93 tỷ đồng.

- Hệ số tự tài trợ:

+) Hệ số nợ phải trả/tổng nguồn vốn của Công ty năm 2025 đạt 0,51 lần, giảm 0,07 lần so với năm 2024 là (0,58 lần). Điều này cho thấy Công ty đã giảm mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay, cơ cấu nguồn vốn có xu hướng an toàn và bền vững hơn;

+) Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn năm 2025 đạt 0,49 lần, tăng 0,07 lần so với năm 2024 là (0,42 lần), tương ứng tăng 16,7%. Điều này cho thấy tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty tăng lên, mức độ tự chủ tài chính được cải thiện, góp phần nâng cao tính an toàn và ổn định trong hoạt động tài chính của Công ty;

+) Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2025 là 1,05 lần, giảm 0,33 lần so với năm 2024 là (1,38 lần), tương ứng giảm 23,9%. Điều này cho thấy mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty đã giảm, cơ cấu nguồn vốn trở nên an toàn hơn, khả năng tự chủ tài chính được cải thiện so với cùng kỳ.

Công ty có nhiều giải pháp trong quản lý điều hành sản xuất, quản lý dòng tiền linh hoạt đáp ứng được đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

- Hệ số các khả năng thanh toán: Năm 2025 công ty chú trọng đến việc quản trị dòng tiền để đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất; đồng thời thường xuyên theo dõi, đánh giá các yêu cầu về thanh khoản trong hiện tại và tương lai, nhằm đảm bảo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chỉ số thanh toán hiện thời của Công ty là 1,38 lần ( $>1$  và tăng nhẹ 0,07 lần so với cùng kỳ) ở mức đảm bảo tương đối tốt; Chỉ tiêu hệ số thanh toán nhanh của Công ty là 0,9 lần tăng nhẹ 0,06 lần so với năm 2024, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản có tính thanh khoản cao được cải thiện. (Tuy nhiên, hệ số này vẫn thấp ( $<1$ ), phản ánh Công ty chưa hoàn toàn chủ động trong việc đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn mà vẫn phụ thuộc một phần vào việc chuyển đổi hàng tồn kho, lý do chính: sản lượng hàng tồn kho của Công ty

luôn ở mức cao so với các doanh nghiệp sản xuất khác, do hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm đã giảm so với năm 2024 là 36,2 tỷ → tập trung chủ yếu ở thành phẩm hoàn thành chờ được xuất kho → khẳng định công ty có năng lực sản xuất tốt, hàng hoá đạt chất lượng được xuất đều, hạn chế hàng chậm luân chuyển; Còn về chỉ tiêu khả năng thanh toán bằng tiền của công ty năm 2025 đạt 0,45 lần, giảm 0,16 lần so với năm 2024 và tiếp tục duy trì ở mức thấp ( $<1$ ). Điều này cho thấy khả năng đáp ứng ngay các nghĩa vụ nợ ngắn hạn bằng tiền và tương đương tiền của Công ty có xu hướng suy giảm, tiềm ẩn rủi ro về thanh khoản trong ngắn hạn.

- Khả năng hoạt động:

+) Đánh giá về khả năng hoạt động trong việc sử dụng tài sản, có nghĩa là cứ 1 đồng tài sản đưa vào hoạt động thì thu được bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Năm 2025 Công ty sử dụng tài sản không tốt bằng năm 2024. (Năm 2024 bỏ ra 1 đồng tài sản hoạt động thu được 2,04 đồng doanh thu thuần, năm 2025 là 1,73 đồng).

+) Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2025 tăng 35,6% so với 31/12/2024 tương đương 26,76 tỷ đồng. Trong đó, Cục Quân nhu - TCHCKT nợ 57,47 tỷ đồng, trong năm Công ty không có khoản phát sinh khoản công nợ khó đòi mới.

+) Hàng Tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2025, hàng tồn kho giảm 20,3% so với 31/12/2024 tương đương 36,2 tỷ đồng, Thành phẩm và nguyên nguyên liệu sẽ được xuất trong quý I năm 2026 khi có kế hoạch cụ thể của khách hàng; đồng thời, tiếp tục rà soát đánh giá hàng tồn kho chậm luân chuyển từ những năm trước để lại để có phương án xử lý.

\* Về số liệu kết quả kinh doanh năm 2025

- Năm 2025, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập người lao động đều tăng trưởng cao so kế hoạch năm đề ra. Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, năm 2025 Công ty cổ phần X20 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê chuẩn.

- Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2024 theo tỷ lệ 10% (1.000đ/cổ phiếu) tính trên cổ phiếu cổ đông hiện đang lưu hành với số tiền 17,250 tỷ đồng và sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2024 để trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

## **II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc, ban quản lý điều hành và cổ đông**

- Giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty, của cổ đông và theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty. Trưởng ban kiểm soát được mời dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc giao ban tháng và các cuộc họp khác của Công ty. Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành cung cấp đầy đủ tài liệu theo quy định.

- Đối với cổ đông: Giữa 2 kỳ Đại hội cổ đông thường niên 2025 – 2026, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông ngoài Công ty có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **2. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị.**

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 04 phiên họp thường kỳ đúng theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty; xin ý kiến bằng văn bản 15 lượt; ban hành 75 Nghị quyết để quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, giải quyết các vấn đề thực tiễn nhiệm vụ của Công với các chủ trương về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và sắp xếp lại nhân sự, công tác cán bộ, chấm dứt các hợp đồng thuê đất và chủ trương khai thác nhà xưởng nhàn rỗi, đầu tư MMTB, nhà điều hành mới và các hạng mục sửa chữa....; Tổ chức nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025, đề xuất Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035; định hướng và chỉ đạo sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị các thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên. Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Công ty.

## **3. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành.**

Trong năm 2025, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành đã nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo chỉ đạo thường xuyên, kịp thời để thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh trên tinh thần chủ động, sáng tạo khắc phục những khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành đã quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT đạt được kết quả tốt trên nhiều lĩnh vực, nhiều mặt

công tác; đặc biệt là kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt, các nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm ổn định việc làm; giải quyết các vướng mắc, tồn tại v.v qua đó góp phần quan trọng trong việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu đã định, điều hành Công ty vượt qua khó khăn, giữ ổn định và phát triển. Trong quá trình điều hành Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành đã tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, quy chế phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban quản lý điều hành và các quy chế nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT VÀ BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH**

1. Cần tập trung xây dựng nhiều giải pháp cho hàng kinh tế nội địa, hàng kinh tế xuất khẩu (cần phải tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu thông qua hình thức sản xuất FOB); cần phân tích, đánh giá hiệu quả của từng khách hàng để có phương án tốt nhất cho việc lựa chọn khách hàng tiềm năng; Tiếp tục duy trì khách hàng chủ lực, dòng hàng chuyên môn hóa, khai thác thêm thị trường mới, mở rộng thị trường; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, kênh tiêu thụ mới TMĐT, nâng cao hiệu quả sản xuất gắn với hiệu quả kinh doanh;

2. Công ty cần quan tâm hơn nữa và có giải pháp trong việc đào tạo mới, đào tạo lại, đồng thời có các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực về kỹ thuật; đào tạo nhân lực để đáp ứng quản lý đơn hàng FOB, tiếp tục chăm lo tốt đời sống người lao động, xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp để ổn định lao động, đáp ứng đủ cho sản xuất, đảm bảo tiến trình phát triển bền vững của Công ty;

3. Tập trung cải tiến sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, chuẩn hóa hệ thống sản xuất, hệ thống quản lý chất lượng, chú trọng giữ vững chất lượng sản phẩm; Đẩy mạnh triển khai kế hoạch phát triển KHCN-ĐMST; Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số mô hình kinh doanh và quản trị Công ty, thích ứng với xu hướng phát triển xanh, bền vững của ngành;

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị tài chính, xây dựng kế hoạch tài chính trung, dài hạn, đồng thời thực hiện tốt quản lý dòng tiền đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh xuyên suốt từ Công ty mẹ đến các công ty con và các Công ty MTV; Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, hàng tồn kho, công nợ, kiểm soát các chi phí; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm từ khâu quản lý đến khâu sản xuất; Đối với nợ xấu đã được trích lập dự phòng đề nghị Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty trong thời gian nhanh nhất; Xử lý hàng tồn lâu, kém chất lượng từ những năm trước;

5. Cần phải triển khai nhanh các dự án đầu tư mới, sửa chữa các mặt bằng; xây dựng phương án khai thác nhà xưởng nhân rồi cho thuê theo đúng quy định để khai thác tránh lãng phí;

6. Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các hệ thống quy chế của Công ty đảm bảo phù hợp với tính hình thực tế, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển nhanh, ổn định của đơn vị, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cổ đông.

7. Đề nghị HĐQT cần phải có các giải pháp đồng bộ để năm 2026 Công ty hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đã được Tổng cục HC-KT định hướng (Kế hoạch số 28/KH-CTCP ngày 07/01/2026).

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về Kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của ĐHĐCĐ, sự hợp tác của HĐQT, Tổng giám đốc, Ban quản lý điều hành, các phòng ban chức năng, các đơn vị trong Công ty đã tạo mọi điều kiện tốt nhất, phối hợp, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin kính chúc Quý vị đại biểu, quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.T03

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đức Tuấn**

CÔNG TY CỔ PHẦN X20  
**BAN KIỂM SOÁT**  
Số: 06/CTCP.BKS



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## **BÁO CÁO**

### **Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20

- Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Luật Doanh nghiệp Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi; Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và Điều lệ công ty Cổ phần X20;

- Căn cứ vào qui chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần X20 với các nội dung cụ thể như sau:

## **PHẦN THỨ NHẤT**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025**

##### **1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp để phân công nhiệm vụ, triển khai các nội dung kiểm soát theo kế hoạch thường xuyên và theo yêu cầu của Cổ đông – là những người đại diện vốn tại Công ty cổ phần X20.

##### **2. Các hoạt động của Ban kiểm soát**

Ngoài các cuộc họp của Ban kiểm soát trực tiếp nêu trên, năm 2025, Ban kiểm soát còn có các hoạt động như sau:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, các phiên họp giao ban tháng và các phiên họp khác do Công ty tổ chức với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của Công ty;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát về một số nội dung trong sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính theo yêu cầu của Đại diện vốn nhà nước tại Công ty;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát về nội dung về thanh lý vật tư, MMTB do không còn nhu cầu sử dụng...;

- Thực hiện kiểm soát báo cáo tài chính và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm, cả năm của Công ty và các nhiệm vụ theo kế hoạch và chức năng của Ban kiểm soát;

- Thực hiện các công việc khác theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **II. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG BKS VÀ TỪNG THÀNH VIÊN BKS NĂM 2025**

- Về thù lao của ban kiểm soát năm 2025

- + Đối với các kiểm soát viên không chuyên trách, mức thù lao bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân là 2 triệu đồng/người/tháng;

- + Đối với Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách mức thù lao bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân là 5 triệu đồng/người/tháng;

- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025: Tuân thủ theo quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần X20 (*Chi tiết thù lao năm 2025 của các Kiểm soát viên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần X20 về báo cáo thường niên năm 2025*).

### **PHẦN THỨ HAI**

#### **BÁO CÁO VỀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN**

### **I. ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH**

- Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành.

- Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với công ty mà trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

### **II. ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 - 2026 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên BKS.

### **PHẦN THỨ BA**

#### **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

## **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát có 03 kiểm soát viên, trong đó có Trưởng ban kiểm soát và 02 kiểm soát viên đều kiêm nhiệm. Các kiểm soát viên đều hoạt động độc lập. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ của Công ty, với kết quả hoạt động như đã nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng của mình trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành qua việc quản trị và điều hành Công ty;
- Đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra và các yêu cầu của Cổ đông lớn tại Công ty;
- Qua việc thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã có các đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị trong việc quản trị, điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh và công tác tài chính nhằm thống nhất, đồng bộ và tăng cường công tác quản trị, giảm thiểu rủi ro, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban kiểm soát được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC KIỂM SOÁT VIÊN**

Trên cơ sở Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và bản phân công nhiệm vụ đối với các kiểm soát viên. Các kiểm soát viên đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập trên tinh thần trách nhiệm cao; tham gia đóng góp ý kiến và kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong các lĩnh vực đúng với trách nhiệm, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

### **PHẦN THƯ TƯ**

#### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT GIỮA 2 KỲ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025 – 2026**

Căn cứ nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định có liên quan đến Ban kiểm soát. Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết Hội đồng quản trị;
- Giám sát tính hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác tài chính, trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, các phiên họp khác của Công ty tổ chức để nắm bắt tình hình phục vụ cho thực hiện chức năng của Ban kiểm soát;

- Thẩm định báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, lập công văn gửi Hội đồng quản trị Công ty;

- Trình các báo cáo theo quy định của pháp luật lên Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Thực hiện các yêu cầu của Cổ đông, nhóm cổ đông (nếu có) theo quy định của Pháp luật;

- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động Ban kiểm soát, các quy chế nội bộ của Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan;

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty cổ phần X20 giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 và kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông 2026 – 2027. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của ĐHĐCĐ, sự hợp tác của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành, các phòng ban chức năng, các đơn vị trong Công ty đã tạo mọi điều kiện tốt nhất, phối hợp, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin kính chúc Quý vị đại biểu, quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.T03

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Đức Tuấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4/TTTr-CTCP

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**V/v Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030,  
của Công ty cổ phần X20**

Kính gửi: - Thủ trưởng Bộ Quốc phòng  
- Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần Kỹ Thuật

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Thực hiện Văn bản số 512/BQP-TC ngày 26/01/2026 của Bộ Quốc phòng về việc triển khai các nghị định của Chính phủ liên quan đến quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ 2025–2030 của Đảng ủy Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật và Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ 2025–2030 của Đảng ủy Công ty cổ phần X20;

Trên cơ sở kết quả thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025, tầm nhìn đến năm 2030 và dự báo bối cảnh kinh tế, chính trị, thị trường giai đoạn 2026–2030, Công ty cổ phần X20 đã xây dựng Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026–2030.

Công ty cổ phần X20 kính báo cáo và đề nghị Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật xem xét, chỉ đạo Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đối với Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 theo quy định, làm cơ sở để Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

*(Kèm theo: Báo cáo Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026–2030).*

Kính trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật xem xét, chỉ đạo.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban KS; Ban QLĐH;
- Lưu: VT, KH-KD, L17.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Thượng tá Chu Văn Đệ**

**BÁO CÁO**  
**KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026**

**Phần 1**

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Năm 2025, thị trường dật may tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi nhu cầu tiêu dùng giảm, đơn hàng nhỏ lẻ, giá gia công thấp và thời gian giao hàng ngày càng rút ngắn. Chi phí nguyên phụ liệu, logistics và nhân công tăng, trong khi yêu cầu về tiêu chuẩn xanh, phát thải carbon, ESG và truy xuất nguồn gốc được siết chặt, làm gia tăng áp lực tuân thủ và chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, chính sách thương mại của các thị trường lớn và cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia trong khu vực như Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia... tiếp tục tác động mạnh đến khả năng mở rộng thị phần và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD.**

**1. Kết quả các chỉ tiêu tổng hợp năm 2025**

- Doanh thu: 1.120,7 tỷ đồng / KH 1.050 tỷ (106,7% KH);
- Lợi nhuận trước thuế: 44,28 tỷ / KH 35 tỷ (126,5% KH);
- Nộp NSNN: 50,5 tỷ / KH 54,5 tỷ (92,6% KH);
- Thu nhập bình quân NLĐ: 13,259/11,300 triệu đồng/người/tháng (117,3% KH).

**2. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp**

**a) Công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp**

Thành lập triển khai hoạt động phòng Nghiên cứu phát triển; tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp, triển khai sắp xếp lại các cơ quan đơn vị theo hướng tinh gọn như : XNĐMQĐ di chuyển bộ phận sản xuất khu A sang khu B, sắp xếp lại mô hình biên chế ; Xí nghiệp Thương Mại cơ cấu lại thành Bộ phận TMDV; Trường Mầm Non thu gọn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Sau sắp xếp các đơn vị đã ổn định hoạt động và sản xuất;

Triển khai phần mềm quản trị TRE; Tổ chức đào tạo văn hóa doanh nghiệp (VHDN) cho cán bộ lãnh đạo; xây dựng đề cương VHDN; rà soát, điều chỉnh hệ thống qui chế Công ty phù hợp với hệ thống Quy chế của Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật; Phục vụ công tác kiểm toán theo chuyên đề Bộ Quốc phòng. Triển

khai thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu bao gồm logo, gian trưng bày, catalogue, bao bì và nhãn mác sản phẩm.

b) Công tác kinh doanh, tìm kiếm đơn hàng, việc làm, kế hoạch và tổ chức sản xuất

Năm 2025 Công ty tiếp tục giữ vững quan hệ với khách hàng truyền thống, phát huy công tác tự tìm kiếm các đơn hàng đảm bảo việc làm đầy đủ cho các đơn vị, không có đơn vị nào phải nghỉ việc do không có việc làm;

Trong năm, Công ty hoàn thành toàn diện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiều nhiệm vụ chính trị trọng điểm, tiêu biểu là đảm bảo tiến độ, chất lượng các đơn hàng A50, A80 phục vụ điều binh, diễu hành các sự kiện lớn của đất nước; tham gia may trang phục phục vụ diễu duyệt binh tại Liên bang Nga; đặc biệt, trước thiên tai, bão lũ nghiêm trọng tại Miền Bắc và Miền Trung, Công ty đã kịp thời huy động tối đa nguồn lực, tổ chức sản xuất hàng ủng hộ đồng bào vùng lũ trong thời gian ngắn, bảo đảm chất lượng và tiến độ, thể hiện rõ trách nhiệm xã hội và vai trò tiên phong của doanh nghiệp quốc phòng trong chung tay cùng Đảng, Nhà nước và Quân đội khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống nhân dân.

Những kết quả này đã khẳng định năng lực, uy tín, ứng phó kịp thời và tinh thần trách nhiệm của Công ty Cổ phần X20 trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị phục vụ quốc phòng và an sinh xã hội khi được giao nhiệm vụ.

Đối với các đơn hàng kinh tế, xuất khẩu Công ty tiếp đẩy mạnh tiếp thị, giữ vững khách hàng truyền thống, mở rộng đối tác mới và phát triển thị trường nội địa nhằm ổn định nguồn việc làm.

Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai nghiêm túc công tác lập, quản lý và điều hành kế hoạch cả ngắn hạn và dài hạn, bám sát định hướng phát triển và nhiệm vụ được giao. Việc xây dựng, phân bổ và tổ chức thực hiện kế hoạch được thực hiện khoa học, linh hoạt, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm.

Đồng thời, Công ty đã tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025, làm cơ sở xây dựng Chiến lược giai đoạn 2026–2030. Công tác tìm kiếm, bố trí nguồn hàng được chỉ đạo chặt chẽ; công tác tổ chức sản xuất được điều hành phù hợp với năng lực từng đơn vị, bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, máy móc thiết bị, cải tiến sản xuất

Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra chất lượng vật tư, nguyên phụ liệu; cập nhật kịp thời tiêu chuẩn kỹ thuật hàng quốc phòng, bảo đảm sản phẩm hợp quy, hợp chuẩn; chủ động phân tích công nghệ các đơn hàng mới. Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý ISO 9001:2015, ISO 45001, ISO 14001 và thực hành 5S; triển khai nâng cấp phần mềm quản lý đo may, hệ thống TRE và văn phòng số.

Đẩy mạnh cải tiến công nghệ, áp dụng trên 70 sáng kiến trong năm, tập trung tối ưu quy trình, ứng dụng CNTT vào quản lý sản xuất, góp phần tiết kiệm nhân lực và nâng cao hiệu quả.

#### d) Công tác tài chính

Chấp hành nghiêm các chế độ, quy chế tài chính theo quy định nhà nước và Bộ Quốc phòng, các quy định, hướng dẫn của TCHC-KT. Công tác hạch toán kế toán tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp; tăng cường các biện pháp quản lý và thực hành tiết kiệm triệt để trên tất cả các lĩnh vực; quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn của nhà nước, nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp

Kiểm soát tốt dòng tiền, giám sát chặt chẽ các nội dung chi tiêu nhằm đảm bảo các chi phí đúng nội dung, mục đích, tiết kiệm hiệu quả; quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đảm bảo kịp thời cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, đồng thời thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

Tình hình bảo toàn vốn và phát triển vốn doanh nghiệp: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tài sản, tiền vốn được sử dụng có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

#### e) Công tác quản lý lao động, tiền lương,

Thực hiện quản lý lao động, tiền lương đúng quy định của pháp luật và quy chế Công ty; xây dựng, quyết toán quỹ tiền lương minh bạch, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; triển khai các chính sách hỗ trợ, bổ sung lương trong giai đoạn cao điểm, bảo đảm quyền lợi và động lực cho người lao động.

Công tác bố trí, sử dụng nhân sự cơ bản theo vị trí việc làm, phân công phù hợp năng lực và chuyên môn, tạo điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ. Quân số đến 31/12/2025 là 1.783 lao động; thu nhập bình quân đạt 13,259/11,300 triệu đồng/người/tháng (117,3% KH).

#### g) Công tác hành chính, hậu cần, đầu tư và quản lý sử dụng đất quốc phòng

Công ty duy trì nghiêm công tác tuần tra, canh gác, chế độ trực, thực hiện đúng quy định về văn thư, bảo mật, quản lý chặt chẽ con dấu và tài liệu. Tổ chức xây dựng kế hoạch, huấn luyện và diễn tập PCCC khu vực Hà Nội, chỉ đạo các đơn vị tuân thủ đầy đủ quy định về an toàn PCCC. Thực hiện hiệu quả công tác y tế lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động; triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, quan trắc môi trường lao động; duy trì phong trào "Đơn vị quân y 5 tốt" và chủ động phòng chống dịch bệnh.

Công tác đầu tư – xây dựng cơ bản được triển khai đồng bộ, thực hiện 11 công trình cải tạo, sửa chữa trọng điểm như: Trường Mầm non, nhà làm việc, hệ thống PCCC khu B, nhà để xe, nhà công vụ, xưởng XN ĐMQĐ, bếp ăn khu B... Các hạng mục hoàn thành đều phát huy hiệu quả tốt.

Công ty quản lý, khai thác quỹ đất và tài sản đúng quy định, không để xảy ra tranh chấp, lấn chiếm; tổ chức cho thuê tài sản đúng pháp luật, nâng cao hiệu quả sử dụng. Công tác môi trường được thực hiện đầy đủ: hợp đồng thu gom rác, quan trắc định kỳ, hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan.

### **3. Tồn tại hạn chế**

Việc áp dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ số còn chậm; chất lượng hoạt động trên một số mặt công tác có đơn vị chưa cao, chưa đồng đều; Tình trạng giảm lao động tiếp tục diễn ra trong toàn Công ty.

## **Phần II**

### **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Năm 2026, ngành dệt may Việt Nam được dự báo tiếp tục đối mặt nhiều thách thức. Chi phí nguyên phụ liệu, logistics và nhân công duy trì ở mức cao; chính sách thuế quan của Mỹ tiếp tục là rào cản cho các thị trường xuất khẩu của Công ty; biên lợi nhuận bị thu hẹp, trong khi yêu cầu về phát triển xanh, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm xã hội ngày càng khắt khe. Thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU, Nhật Bản phục hồi chậm, cạnh tranh khu vực gay gắt.

#### **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

##### **1. Định hướng, mục tiêu chủ yếu**

###### **a) Định hướng**

Năm 2026, Công ty tiếp tục phát triển theo định hướng ổn định – hiệu quả – bền vững, giữ vững vai trò doanh nghiệp nòng cốt trong sản xuất quân trang, đồng thời đẩy mạnh sản xuất kinh tế – xuất khẩu và dịch vụ. Tập trung phát triển theo mô hình công nghiệp dệt may lưỡng dụng, làm chủ chuỗi giá trị dệt – nhuộm – in – may, đẩy mạnh chuyển đổi số, sản xuất xanh và nhà máy thông minh.

###### **b) Mục tiêu chủ yếu năm 2026**

Duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, trong đó:

Giữ vững và mở rộng sản xuất hàng quốc phòng, đáp ứng tốt nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất;

Đẩy mạnh phát triển hàng kinh tế – xuất khẩu, từng bước nâng tỷ trọng FOB, mở rộng thị trường;

Nâng cao năng lực sản xuất thông qua đầu tư công nghệ, phát triển chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất linh hoạt, xây dựng mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh hợp tác sản xuất, tham gia các công đoạn gia công, hoàn thiện sản phẩm và sản xuất phụ trợ, qua đó tăng tính linh hoạt chuỗi cung ứng, giảm chi phí đầu tư và mở rộng nhanh năng lực sản xuất.

Chủ động đề xuất nghiên cứu – phát triển sản phẩm mới; tập trung đồng phục ngành, nhóm sản phẩm dân dụng – tiêu dùng tiềm năng; củng cố các sản phẩm truyền thống, chính quy, DQTV, phân cấp.

Tăng cường khai thác hiệu quả tài sản, mở rộng hoạt động dịch vụ, góp phần đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả SXKD.

## **2. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu**

- Doanh thu KH: 1.233 tỷ đồng tăng trưởng 10% so với thực hiện năm 2025 là 1.120,7 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 39,3 tỷ đồng;
- Nộp Ngân sách: 51,03 tỷ đồng;
- Thu nhập BQ: 12.500.000 đồng/người/tháng
- Lao động: 1.850 LĐ;

## **3. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026**

### **a) Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp**

Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả; xây dựng phương án cơ cấu lại 03 Công ty may (X20 Nghệ An, X20 Thanh Hóa, X20 Thái Nguyên) theo hướng sáp nhập, hợp nhất thành đơn vị chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, bảo đảm hoạt động ổn định, phù hợp định hướng đổi mới doanh nghiệp trong giai đoạn tới. Đồng thời, thực hiện di chuyển Xí nghiệp Dệt kim về X20 Nam Định gắn với rà soát, sắp xếp lại tổ chức, biên chế; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án kiện toàn các cơ quan, đơn vị trong toàn Công ty. Triển khai lộ trình dừng hoạt động Trường Mầm non theo quy định; xây dựng mô hình doanh nghiệp vệ tinh nhằm chủ động nguồn lao động, bổ trợ năng lực sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD.

Tổ chức khai thác hiệu quả Nhà khách phía Nam/Khách sạn Sea Soul; đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng nhà xưởng, văn phòng tại Khu A, số 4 Lê Hồng Phong – Thanh Hóa; tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn thành thủ tục bàn giao điểm đất tại Phủ Lý, Hà Nam theo quy định.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản trị – sản xuất – kinh doanh; vận hành hiệu quả hệ thống TRE, phát triển nền tảng thương mại điện tử, từng bước triển khai chuyển đổi xanh và xây dựng văn hóa số trong toàn Công ty.

Tập trung đầu tư MMTB, đẩy chuyển công nghệ hiện đại, bảo đảm tiến độ các dự án trọng điểm (cải tạo tòa nhà 202 Tô Hiến Thành; Văn phòng Khu B); khai thác hiệu quả tài sản, hạ tầng hiện có, nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả sử dụng vốn.

Đối với hàng kinh tế – xuất khẩu, nâng cao chất lượng, rút ngắn tiến độ giao hàng, thực hiện đúng cam kết với khách hàng; chủ động phát triển thị trường, gia tăng đơn hàng FOB, từng bước nâng tỷ trọng sản xuất giá trị gia tăng cao.

Đối với thị trường nội địa, phát huy thế mạnh các dòng sản phẩm đồng phục ngành, dân quân tự vệ, bảo hộ lao động, đồng thời phát triển sản phẩm thời trang và hệ thống bán lẻ, tổ chức triển khai thống nhất, hiệu quả nhằm gia tăng doanh thu.

Nâng cao vai trò công tác kế hoạch, đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất gắn với điều hành linh hoạt, thích ứng kịp thời với biến động thị trường; tiếp tục xác định sản xuất hàng quốc phòng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên nguồn lực,

tổ chức sản xuất khoa học, bảo đảm tiến độ, chất lượng và duy trì sản xuất thông suốt cho cả hàng quốc phòng và kinh tế – xuất khẩu.

c) Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, máy móc thiết bị, cải tiến sản xuất

Đẩy nhanh tiến độ triển khai áp dụng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp nâng cao khả năng kết nối các máy móc để giám sát và quản lý sản xuất theo thời gian thực. Áp dụng công nghệ sản xuất linh hoạt để điều chỉnh quy trình nhanh chóng khi có sự thay đổi trong nhu cầu sản xuất.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đầu tư thiết bị, công nghệ mới để nâng cao khả năng sản xuất và chất lượng sản phẩm.

d) Kế hoạch công tác tài chính

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc về quản lý tài chính và chuẩn mực kế toán. Xây dựng, quản lý tốt dòng tiền, quản lý chặt chẽ quá trình chi tiêu, đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty; Tăng cường tham mưu các biện pháp quản lý để phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Nhà nước tại Công ty. Quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư tại các Công ty TNHH MTV và doanh nghiệp khác; thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn; trích lập dự phòng; thu hồi công nợ; tăng cường kiểm tra, giám sát tài chính; chuẩn bị tốt công tác kiểm toán năm 2026;

e) Kế hoạch sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng

Triển khai công tác tiền lương, lao động và bảo hiểm đúng quy định pháp luật; quản lý, sử dụng hiệu quả lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng. Tăng cường thu hút nhân lực, thực hiện chính sách “mỗi người lao động là một nhà tuyển dụng”; tham mưu điều chỉnh tổ chức, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách; rà soát, hoàn thiện thang bảng lương, nâng bậc, chuyển ngạch phù hợp và quyết toán quỹ lương theo quy định.

g) Công tác hành chính, hậu cần, đầu tư và quản lý sử dụng đất quốc phòng

Duy trì nghiêm các chế độ công tác, chế độ trực ban, trực chỉ huy, bảo vệ, tuần tra canh gác tại các cơ quan, đơn vị; công tác văn thư bảo mật, vệ sinh môi trường, công tác lễ tân, công tác PCCN; thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số; đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả trên các mặt công tác; duy trì thực hiện có hiệu quả công tác y tế lao động; quản lý, chăm sóc sức khỏe, công tác đảm bảo môi trường lao động...; duy trì thực hiện tốt Nội quy lao động; công tác AT-VSLĐ, PCCN;

Ưu tiên đầu tư MMTB, dây chuyền sản xuất nâng cao năng suất và hiệu quả. Hoàn thành đúng tiến độ: Cải tạo tòa nhà 202 Tô Hiến Thành; hoàn thành xây dựng Văn phòng Khu B.

Tổng mức đầu tư: 125,382 tỷ đồng; trong đó mua sắm MMTB, chuyển đổi số và nội dung khác là 48,374 tỷ đồng; ĐTXDCB và sửa chữa là: 77,008 tỷ đồng.

+ Đối với mua sắm MMTB: Tiếp tục đầu tư thiết bị chuyên dùng; đầu tư đổi mới MMTB hiện đại bổ sung cho các nhà máy sản xuất theo hướng tự động hóa, tích hợp công nghệ số; máy dệt khăn, thiết bị thí nghiệm nhuộm cho ngành dệt;

+ Đối với XDCB và sửa chữa khác: Triển khai Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng tại Khu B nhằm chào mừng kỷ niệm 70 năm truyền thống X20. Cải tạo tòa nhà 202 Tô Hiến Thành; đầu tư, nâng cấp cải tạo thường xuyên tại Công ty TNHH MTV;

- Quản lý sử dụng đất quốc phòng: Quản lý chặt chẽ các diện tích đất, không để xảy ra lấn chiếm, tranh chấp; tham mưu khai thác tài sản các điểm đất nhàn rỗi đảm bảo hiệu quả, đúng quy định như:

Tập trung tìm kiếm đối tác liên doanh liên kết hoặc cho thuê để khai thác hiệu quả nhà xưởng, văn phòng, mặt bằng trên các điểm đất Khu A và số 4 Lê Hồng Phong (Thanh Hóa). Đồng thời hoàn thiện hồ sơ pháp lý, tập trung thu hồi công nợ tại điểm đất 4 Lê Hồng Phong; tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để thực hiện bàn giao điểm đất Hà Nam theo đúng quy định.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, mở đầu triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030, tạo nền tảng cho mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen, Công ty Cổ phần X20 xác định tiếp tục phát huy truyền thống, giữ vững vai trò doanh nghiệp nòng cốt trong sản xuất quân trang, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh tế, xuất khẩu và dịch vụ theo hướng hiệu quả, bền vững.

Với định hướng rõ ràng, giải pháp đồng bộ và quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, người lao động, Ban Quản lý Điều hành Công ty cam kết tổ chức triển khai nghiêm túc, linh hoạt và hiệu quả Kế hoạch SXKD năm 2026, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, nâng cao đời sống người lao động và tiếp tục khẳng định vị thế, uy tín của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 để Công ty có cơ sở triển khai thực hiện.

Trân trọng !

**Nơi nhận:**

- Đại Hội đồng cổ đông
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Quản lý Điều hành;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KH-KD, L07.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Thượng tá Chu Văn Đệ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(Đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam)

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VN đồng

| tt        | Nội dung                             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>  | <b>TÀI SẢN</b>                       | <b>599.212.981.165</b> | <b>689.073.335.693</b> |
| <b>1</b>  | <b>Tài sản ngắn hạn</b>              | <b>406.414.181.317</b> | <b>498.601.724.905</b> |
|           | - Tiền và các khoản tương đương tiền | 132.743.221.348        | 231.086.174.686        |
|           | - Đầu tư ngắn hạn                    | 25.904.122.466         | 400.000.000            |
|           | - Các khoản phải thu ngắn hạn        | 101.886.945.049        | 75.129.916.643         |
|           | - Hàng tồn kho                       | 142.028.472.059        | 178.244.994.817        |
|           | - Tài sản ngắn hạn khác              | 3.851.420.395          | 13.740.638.759         |
| <b>2</b>  | <b>Tài sản dài hạn</b>               | <b>192.798.799.848</b> | <b>190.471.610.788</b> |
|           | - Các khoản phải thu dài hạn         | -                      | -                      |
|           | - Tài sản cố định                    | 173.610.568.272        | 171.783.151.455        |
|           | - Tài sản dở dang dài hạn            | 2.351.202.127          | 2.489.371.153          |
|           | - Đầu tư tài chính dài hạn           | 3.931.375.462          | 3.611.812.514          |
|           | - Tài sản dài hạn khác               | 12.901.753.987         | 12.587.275.666         |
| <b>II</b> | <b>NGUỒN VỐN</b>                     | <b>599.212.981.165</b> | <b>689.073.335.693</b> |
| <b>1</b>  | <b>Nợ phải trả</b>                   | <b>307.107.647.915</b> | <b>399.378.315.594</b> |
|           | - Nợ ngắn hạn                        | 294.667.616.164        | 381.278.291.639        |
|           | - Nợ dài hạn                         | 12.440.031.751         | 18.100.023.955         |
| <b>2</b>  | <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>          | <b>292.105.333.250</b> | <b>289.695.020.099</b> |
|           | - Vốn góp của chủ sở hữu             | 172.500.000.000        | 172.500.000.000        |
|           | - Quỹ đầu tư phát triển              | 87.117.686.342         | 69.776.933.289         |
|           | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  | 32.487.646.908         | 47.418.086.810         |

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Đơn vị tính: VN đồng

| tt | Chỉ tiêu       | Năm 2025          | Năm 2024          |
|----|----------------|-------------------|-------------------|
| 1  | Tổng doanh thu | 1.120.732.498.957 | 1.304.385.786.032 |
| 2  | Tổng chi phí   | 1.077.048.143.285 | 1.247.113.766.142 |

|   |                                                 |                |                |
|---|-------------------------------------------------|----------------|----------------|
| 3 | Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết | 709.763.492    | 623.802.722    |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế                            | 44.280.031.750 | 57.556.026.150 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế                              | 34.743.264.060 | 45.223.758.758 |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 1.781          | 1.958          |

Trên đây là báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT. H03.



**TỜ TRÌNH**  
**V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần X20.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

**1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:**

Đvt: đồng

| stt | Nội dung                                      | Phương án phân phối | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------|---------------------|---------|
| 1   | Lợi nhuận Công ty mẹ trước thuế               | 32.443.581.480      |         |
| 2   | Lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế                 | 28.029.231.026      |         |
| 3   | Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước             | 2.229.029.150       |         |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối năm 2025 | 27.258.260.176      |         |
| 4.1 | Dự kiến trích lập các quỹ                     | 10.008.260.176      |         |
|     | - Quỹ đầu tư phát triển                       | 5.000.000.000       |         |
|     | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 4.862.785.737       |         |
|     | - Quỹ thưởng Ban điều hành                    | 145.474.439         |         |
| 4.2 | Chia cổ tức dự kiến 10% (1.000đ/cp)           | 17.250.000.000      |         |
|     | - Cổ đông Nhà nước (71,72%)                   | 12.371.700.000      |         |
|     | - Cổ đông ngoài                               | 4.878.300.000       |         |

**2 Giải trình về các nội dung trích lập quỹ:**

2.1. Quỹ khen thưởng , phúc lợi

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty đạt 112,7% kế hoạch năm . Do vậy, Công ty được trích tối đa 3 tháng tiền lương thực hiện cho hai quỹ này, tương đương số tiền là 26,2 tỷ đồng. Số thực trích năm 2025 của Công ty là 4,86 tỷ đồng, bằng 18,5% số được trích.

## 2.2. Quỹ đầu tư phát triển

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2026 của Công ty đã được cấp trên phê duyệt là 161 tỷ đồng. Số thực trích năm 2025 là 5 tỷ đồng, chiếm 3,1% so với nhu cầu vốn.

2.3. Quỹ thưởng Ban Điều hành: được áp dụng 7 tháng theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và 5 tháng theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025.

## 3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- Chi cổ tức bằng tiền mặt: dự kiến 10%
- Trích quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;
- Trích quỹ thưởng cho người giữ vốn

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua! *HC*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT. H03.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Thượng tá Chu Văn Đệ**

CÔNG TY CỔ PHẦN X20  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Số :560/TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025,**  
**kế hoạch năm 2026 của Người quản lý và Người lao động**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ; Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần X20; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và xây dựng đơn vị năm năm 2026. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án tiền lương, thù lao và tiền thưởng như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2025 (Tóm tắt)**

**1. Tiền lương BQ của Ban quản lý điều hành và người lao động**

| TT | Chỉ tiêu                          | ĐVT      | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ % TH/KH |
|----|-----------------------------------|----------|-------------------|--------------------|---------------|
| 1  | Doanh thu                         | 1.000 đ  | 1.050.000.000     | 1.120.733.063      | 106,74        |
| 2  | Lợi nhuận                         | “        | 25.300.000        | 35.467.264         | 140,19        |
| 3  | LĐBQ                              | Người    | 2.100             | 1.874              | 89,24         |
|    | Trong đó: CTHĐQT                  | “        | 1                 | 1                  | 100,00        |
|    | BQLĐH+NLĐ                         | “        | 2.099             | 1.873              | 89,23         |
| 4  | Năng suất LĐ                      | 1.000đ/n | 189,31            | 203.30             | 107,39        |
| 5  | Tiền lương BQ của Ban QLĐH và NLĐ | 1.000đ/n | 11.760            | 12.316             | 104,72        |

**2. Thù lao của thành viên hội đồng, kiểm soát viên**

| TT | Chức danh       | Số người | Mức thù lao (tr.đồng/người/tháng) | Tổng quỹ thù lao (triệu đồng) |
|----|-----------------|----------|-----------------------------------|-------------------------------|
| 1  | Thành viên HĐQT | 2        | 3,0                               | 72                            |
| 2  | Trưởng ban KS   | 1        | 5,5                               | 66                            |
| 3  | Thành viên BKS  | 2        | 2,0                               | 48                            |
|    | <b>Cộng</b>     | <b>5</b> |                                   | <b>186</b>                    |

**3. Tiền thưởng của Ban điều hành, thành viên hội đồng, kiểm soát viên**

Năm 2025 Công ty xác định trích để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 01 tháng tiền lương bình quân; tiền thưởng 07 tháng theo quy định tại Nghị định 44 là 98.877.798 đồng và 05 tháng Nghị định 248 = 46.596.641 đồng, tổng tiền thưởng Ban điều hành, thành viên hội đồng, kiểm soát viên năm 2025 =  $98.877.798 + 46.596.641 = 145.474.439$  đồng.

(Có báo cáo kèm theo)

## **II. PHƯƠNG ÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG NĂM 2026**

1. Đối với tiền lương của người đại diện phần vốn nhà nước: Tiếp tục bám sát tinh thần Nghị định 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ, trên cơ sở mức lương cơ bản, gắn với hiệu quả quản trị và lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch đề ra.

2. Đối với thù lao của thành viên hội đồng, kiểm soát viên: Tiếp tục thực hiện như năm 2025 được nêu trên.

3. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện trên cơ sở kết quả trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026.

4. Đối với Ban quản lý điều hành và người lao động: Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2026 gắn với mức tăng, giảm năng xuất lao động bình quân; công ty xác định mức thu nhập bình quân là 12.500.000 đ/người/tháng; tổng quỹ tiền lương năm được thực hiện trên số lao động bình quân năm kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CTHC. Đ100.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Chu Văn Đệ**

CÔNG TY CỔ PHẦN X20  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 559/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần X20;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

**1. Tiêu thức lựa chọn**

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán
- Có kinh nghiệm, uy tín về chất lượng kiểm toán và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần X20 về phạm vi và tiến độ kiểm toán
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng kiểm toán
- Không xung đột các quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện kiểm toán cho Công ty cổ phần X20
- Đã có kinh nghiệm kiểm toán cho các doanh nghiệp cùng ngành nghề với Công ty cổ phần X20

**2. Đề xuất của Hội đồng quản trị**

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Tên đơn vị kiểm toán độc lập lựa chọn: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

- Mã số thuế: 0101202228

- Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Sông Đà, Số 165 Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thương thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và biểu quyết thông qua./. *th*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT. H03.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Thượng tá Chu Văn Đệ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Số: 554/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**V/v sửa đổi, bổ sung ban hành các quy chế của Công ty cổ phần X20**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 tổ chức họp thường niên ngày 18/06/2021 đã quyết nghị phê duyệt ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20.

Năm 2025, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành đã ban hành nhiều văn bản QPPL có liên quan. Do đó, các quy chế nêu trên cần phải được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 xem xét biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).
2. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐQT.H03.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Chu Văn Đệ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /6/2026  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần X20;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày... tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20, phiên họp thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần X20:

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và mục đích ban hành**

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, cơ chế, quy trình và trách nhiệm trong quản trị nội bộ Công ty cổ phần X20 nhằm cụ thể hóa Điều lệ Công ty, bảo đảm quản trị minh bạch, điều hành có kiểm soát, giám sát độc lập và truy vết trách nhiệm cá nhân.

2. Quy chế này không thay thế Điều lệ và không lặp lại các nội dung đã được Điều lệ hoặc pháp luật quy định đầy đủ; các điều khoản tại Quy chế này chỉ được hiểu là quy định hướng dẫn thực thi, cụ thể hóa hoặc thiết kế cơ chế vận hành nội bộ.

3. Mục tiêu của Quy chế là bảo đảm mỗi thẩm quyền có giới hạn, mỗi quyết định có căn cứ, mỗi rủi ro có đầu mối xử lý và mỗi sai phạm có cá nhân, bộ phận chịu trách nhiệm.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Trường hợp Quy chế này có nội dung khác với Điều lệ Công ty thì áp dụng Điều lệ Công ty; trường hợp Điều lệ hoặc Quy chế có nội dung khác với pháp luật thì áp dụng pháp luật hiện hành.

2. Mọi cá nhân, bộ phận, đơn vị trực thuộc, người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn và người được ủy quyền nhân danh Công ty đều có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

3. Không cá nhân nào được viện dẫn tập quán điều hành, tiền lệ nội bộ hoặc chỉ đạo miệng để thay thế căn cứ pháp lý, hồ sơ trình, nghị quyết, quyết định hoặc phê duyệt bằng văn bản theo quy định tại Quy chế này.

### **Điều 3. Nguyên tắc quản trị cốt lõi**

1. Tách bạch giữa quản trị, điều hành và kiểm soát; Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị và giám sát; Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành; Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát độc lập.

2. Mỗi việc chỉ có một đầu mối chủ trì và một người chịu trách nhiệm chính; việc phối hợp không làm triệt tiêu trách nhiệm của đầu mối chủ trì.

3. Mọi quyết định quản trị và điều hành phải đáp ứng đủ bốn điều kiện: đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đủ hồ sơ và có thể kiểm tra sau quyết định.

4. Công ty quản trị trên cơ sở dữ liệu, kế hoạch, ngân sách, báo cáo và cơ chế giải trình; không quản trị theo cảm tính, không phê duyệt trên cơ sở thông tin thiếu kiểm chứng.

### **Điều 4. Giải thích thuật ngữ trong Quy chế**

1. “Quyết định quản trị” là quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo phân cấp, ủy quyền hợp pháp.

2. “Quyết định điều hành” là quyết định của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền hợp pháp để tổ chức thực hiện hoạt động hằng ngày của Công ty trong phạm vi được giao.

3. “Vượt thẩm quyền” là việc quyết định, chấp thuận, cam kết, ký kết hoặc triển khai công việc ngoài phạm vi quyền hạn, hạn mức, điều kiện hoặc thủ tục bắt buộc theo pháp luật, Điều lệ, Quy chế này hoặc văn bản phân cấp, ủy quyền.

4. “Xung đột lợi ích” là trường hợp lợi ích của cá nhân, người có liên quan hoặc tổ chức có liên quan có khả năng chi phối, ảnh hưởng hoặc làm sai lệch tính khách quan của việc thực hiện nhiệm vụ.

5. “Người có liên quan” được xác định theo pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG II**

### **KHUNG QUẢN TRỊ VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN**

#### **Điều 5. Mô hình quản trị và nguyên tắc phân định**

1. Mô hình quản trị của Công ty được vận hành theo nguyên tắc: Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền tối cao; Hội đồng quản trị quyết định định hướng, chính sách, kế hoạch lớn và kiểm soát điều hành; Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động quản trị, giám sát và kiểm soát trong phạm vi được giao; Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày; Ban kiểm soát giám sát độc lập.

2. Hội đồng quản trị không trực tiếp làm thay chức năng điều hành; Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành thay Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc không quyết định thay Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát không can thiệp trực tiếp vào hoạt động điều hành thường nhật.

3. Văn phòng Hội đồng quản trị là bộ phận giúp việc, hỗ trợ thẩm tra, tổng hợp và giám sát cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; Văn phòng Hội đồng quản trị không phải là cấp quản lý điều hành và không được ban hành quyết định điều hành.

#### **Điều 6. Phân định thẩm quyền của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo luật, Điều lệ và các vấn đề sau đây để bảo đảm quản trị thống nhất: Chiến lược; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm; kế hoạch tài chính năm; chính sách quản trị rủi ro; chính sách nhân sự quản lý; các giao dịch, dự án, phương án đầu tư, vay, cho vay, bảo lãnh và giao dịch khác theo hạn mức phải trình.

2. Hội đồng quản trị quyết định hoặc phê duyệt các quy chế nội bộ; quyết định phân cấp, ủy quyền; quy định rõ hạn mức, điều kiện, trình tự, chế độ báo cáo và trách nhiệm hậu kiểm đối với từng thẩm quyền được phân giao.

3. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý, người đại diện phần vốn, đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giải trình đầy đủ, đúng thời hạn; trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được yêu cầu tạm dừng việc thực hiện quyết định có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền hoặc rủi ro nghiêm trọng để xem xét.

#### **Điều 7. Phân định thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị; triệu tập, chủ trì họp Hội đồng quản trị; ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức theo dõi việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Trong phạm vi được Hội đồng quản trị phân cấp, Chủ tịch Hội đồng quản trị được xem xét, phê duyệt hoặc cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền được giao; việc thực hiện quyền này phải đúng giới hạn, điều kiện, hồ sơ và trách nhiệm báo cáo lại Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được trực tiếp chỉ đạo điều hành sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty; không được ra quyết định điều hành

thay Tổng Giám đốc; không được sử dụng Văn phòng Hội đồng quản trị để hình thành một cấp điều hành song song.

### **Điều 8. Phân định thẩm quyền của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty trên cơ sở chiến lược, kế hoạch, ngân sách, hạn mức và nghị quyết, quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổng Giám đốc được quyền chủ động tổ chức bộ máy điều hành, phân công nhiệm vụ, điều phối nguồn lực, ký kết hợp đồng và quyết định biện pháp điều hành trong phạm vi thẩm quyền được giao; không được tự mở rộng thẩm quyền bằng việc phân công nội bộ hoặc ủy quyền tiếp.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về tính hợp pháp, tính hiệu quả, tính trung thực của thông tin, báo cáo và kết quả thực hiện đối với các quyết định thuộc phạm vi điều hành.

### **Điều 9. Phân định thẩm quyền của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát độc lập đối với việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, việc quản lý vốn, tài sản, báo cáo tài chính, công bố thông tin và hoạt động của người quản lý, người điều hành.

2. Ban kiểm soát được yêu cầu Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Văn phòng Hội đồng quản trị, đơn vị trực thuộc và cá nhân liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu, giải trình phục vụ kiểm tra, giám sát theo luật.

3. Ban kiểm soát không thay thế chức năng của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc; các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được gửi đúng đầu mối, đúng thẩm quyền và được theo dõi thực hiện.

## **CHƯƠNG III**

## **QUẢN TRỊ CỔ ĐÔNG, BẢO VỆ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN LÝ PHẢN VỐN NHÀ NƯỚC**

### **Điều 10. Nguyên tắc quản trị cổ đông**

1. Công ty bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các cổ đông cùng loại cổ phần; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền tham dự, phát biểu, biểu quyết, kiến nghị và các quyền khác theo pháp luật, Điều lệ.

2. Việc thực hiện quyền cổ đông phải được tổ chức theo quy trình rõ ràng, có đầu mối tiếp nhận, thời hạn xử lý, người chịu trách nhiệm và lưu vết hồ sơ.

3. Không cơ quan, bộ phận, cá nhân nào được trì hoãn, cản trở, gây khó khăn hoặc cung cấp thông tin sai lệch làm ảnh hưởng việc thực hiện quyền hợp pháp của cổ đông.

### **Điều 11. Đầu mối thực hiện công việc về cổ đông**

1. Người phụ trách quản trị công ty hoặc bộ phận được giao quản lý công tác cổ đông là đầu mối tổ chức các thủ tục về danh sách cổ đông, tài liệu họp, tiếp nhận kiến nghị, ủy quyền, đăng ký dự họp, công bố thông tin liên quan đến Đại hội đồng cổ đông.

2. Mọi yêu cầu của cổ đông phải được tiếp nhận bằng văn bản, thư điện tử chính thức hoặc phương thức hợp pháp khác; việc trả lời phải đúng thời hạn, nêu rõ căn cứ pháp lý và tình trạng xử lý.

3. Hồ sơ về cổ đông, tài liệu Đại hội đồng cổ đông, ý kiến bằng văn bản, biên bản, nghị quyết và tài liệu kèm theo phải được lưu trữ đầy đủ, thống nhất, bảo mật và có thể truy xuất.

### **Điều 12. Bảo vệ cổ đông thiểu số**

1. Các giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích, giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của cổ đông thiểu số phải được công bố đầy đủ, trình đúng thẩm quyền và tổ chức biểu quyết đúng quy định.

2. Khi nhận được yêu cầu hợp pháp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về triệu tập họp, bổ sung chương trình họp, cung cấp thông tin, kiểm tra vấn đề cụ thể hoặc yêu cầu khác theo luật, đầu mối được giao phải tham mưu xử lý ngay, không được trì hoãn vì lý do hành chính nội bộ.

3. Mọi hành vi lợi dụng vị trí quản trị, điều hành hoặc thông tin nội bộ để làm suy giảm quyền cổ đông thiểu số hoặc chuyển lợi ích của Công ty sang chủ thể khác đều phải được xem xét xử lý trách nhiệm.

### **Điều 13. Quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty**

1. Phần vốn Nhà nước tại Công ty được quản lý theo pháp luật về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế này và các chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền cổ đông nhà nước đúng nội dung được giao, đúng chỉ đạo, đúng thẩm quyền; không được tự ý biểu quyết, chấp thuận hoặc cam kết đối với nội dung phải xin ý kiến trước mà chưa có ý kiến chấp thuận hợp lệ.

3. Các vấn đề ảnh hưởng đến bảo toàn vốn, đầu tư, cơ cấu vốn, tổ chức lại doanh nghiệp, nhân sự quản lý, giao dịch lớn, giao dịch với bên liên quan, phân phối lợi nhuận và vấn đề khác theo pháp luật phải được tổng hợp đầy đủ để người đại diện phần vốn thực hiện báo cáo, xin ý kiến đúng quy định.

## **CHƯƠNG IV QUẢN TRỊ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 14. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm minh bạch, tranh luận thực chất, độc lập trong xem xét và cá nhân hóa trách nhiệm biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải nghiên cứu đầy đủ hồ sơ trước khi họp; tham dự đầy đủ các cuộc họp; nêu rõ quan điểm; chịu trách nhiệm cá nhân đối với ý kiến, phiếu biểu quyết và kiến nghị của mình.

3. Không thành viên nào được viện dẫn biểu quyết tập thể để loại trừ trách nhiệm cá nhân khi đã biết hoặc phải biết quyết định có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, thiếu căn cứ hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

#### **Điều 15. Hồ sơ trình Hội đồng quản trị**

1. Hồ sơ trình Hội đồng quản trị phải tối thiểu bao gồm: Tờ trình; dự thảo nghị quyết hoặc quyết định; báo cáo thẩm định hoặc ý kiến chuyên môn của bộ phận liên quan; căn cứ pháp lý; phân tích tài chính, rủi ro, phương án xử lý; ý kiến khác biệt nếu có.

2. Đối với nội dung có yếu tố đầu tư, giao dịch, tài chính, vay nợ, bảo lãnh, hợp tác kinh doanh, góp vốn, mua bán tài sản, xử lý tài sản, nhân sự cấp cao hoặc giao dịch với người có liên quan, hồ sơ phải có đánh giá tác động đến vốn, tài sản, dòng tiền, tuân thủ pháp luật và khả năng phát sinh xung đột lợi ích.

3. Hồ sơ không đầy đủ, không rõ thẩm quyền, không đủ căn cứ pháp lý hoặc không có ý kiến thẩm định bắt buộc thì không được đưa vào chương trình họp để biểu quyết, trừ trường hợp khẩn cấp theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và phải nêu rõ lý do trong biên bản.

#### **Điều 16. Quy trình ra nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị**

1. Quy trình ra nghị quyết/quyết định gồm các bước: Đề xuất – Kiểm tra thẩm quyền – Thẩm định – Gửi hồ sơ – Hợp hoặc lấy ý kiến – Biểu quyết – Ban hành nghị quyết/quyết định – Tổ chức thực hiện – Giám sát – Báo cáo kết quả.

2. Bộ phận trình chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; bộ phận thẩm định chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định; người triệu tập họp chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục; từng thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về biểu quyết của mình.

3. Nghị quyết/quyết định Hội đồng quản trị phải xác định rõ nội dung quyết nghị, mục tiêu, căn cứ, đầu mối tổ chức thực hiện, thời hạn, chế độ báo cáo, cơ chế kiểm soát và xử lý nếu không đạt yêu cầu.

#### **Điều 17. Xung đột lợi ích và giao dịch với người có liên quan**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, người điều hành và cá nhân có liên quan có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ và kịp thời các lợi ích liên quan theo quy định.

2. Người có lợi ích liên quan đối với nội dung đang được xem xét phải tự giác báo cáo, không tham gia thảo luận sâu về lợi ích của mình, không biểu quyết và không tác động trái pháp luật đến quá trình quyết định.

3. Mọi giao dịch với người có liên quan hoặc có nguy cơ xung đột lợi ích chỉ được thực hiện sau khi được trình, thẩm định, công bố và phê duyệt đúng thẩm quyền; trường hợp vi phạm thì quyết định, giao dịch và trách nhiệm xử lý được thực hiện theo pháp luật.

### **Điều 18. Theo dõi thực hiện nghị quyết/quyết định Hội đồng quản trị**

1. Sau khi nghị quyết/quyết định được ban hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo giao đầu mối theo dõi thực hiện; Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện; Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc đầu mối được giao có trách nhiệm tổng hợp tiến độ, kết quả, vướng mắc, sai lệch.

2. Nội dung theo dõi tối thiểu gồm: Công việc phải làm, thời hạn hoàn thành, người chịu trách nhiệm, sản phẩm đầu ra, trạng thái thực hiện, rủi ro phát sinh, kiến nghị điều chỉnh.

3. Trường hợp phát hiện chậm tiến độ, thực hiện sai nghị quyết/quyết định, vượt phạm vi được phê duyệt hoặc phát sinh rủi ro nghiêm trọng, đầu mối theo dõi phải báo cáo ngay Chủ tịch Hội đồng quản trị để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét.

## **CHƯƠNG V**

### **QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH, PHÂN CẤP VÀ ỦY QUYỀN**

#### **Điều 19. Nguyên tắc điều hành**

1. Tổng Giám đốc điều hành trên cơ sở mục tiêu năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, ngân sách, hạn mức và chỉ tiêu được phê duyệt; không được điều hành ngoài khuôn khổ đó nếu chưa có chấp thuận theo thẩm quyền.

2. Điều hành phải bảo đảm đúng pháp luật, đúng quy chế, đúng quy trình, đúng dữ liệu; mọi quyết định điều hành quan trọng phải được thể hiện bằng văn bản hoặc trên hệ thống điện tử có giá trị lưu vết.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập trật tự điều hành thống nhất; nghiêm cấm việc hình thành kênh chỉ đạo điều hành không chính thức, làm méo lệch thông tin hoặc vô hiệu hóa hệ thống phân cấp.

#### **Điều 20. Phân cấp trong điều hành**

1. Tổng Giám đốc được phân cấp tiếp cho Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người đứng đầu đơn vị trực thuộc và chức danh quản lý khác trong phạm vi được Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và văn bản phân cấp cho phép.

2. Văn bản phân cấp phải nêu rõ: Chức danh được giao; phạm vi công việc; hạn mức; điều kiện thực hiện; chế độ phối hợp; chế độ báo cáo; trách nhiệm cá nhân; trường hợp phải xin ý kiến trước.

3. Phân cấp không làm thay đổi trách nhiệm cuối cùng của Tổng Giám đốc đối với kết quả điều hành; người nhận phân cấp không được suy diễn mở rộng thẩm quyền, không được tự ý phân cấp tiếp nếu văn bản không cho phép.

### **Điều 21. Ủy quyền**

1. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản; chỉ được thực hiện đối với công việc thuộc quyền của người ủy quyền và pháp luật cho phép ủy quyền.

2. Văn bản ủy quyền phải xác định rõ người ủy quyền, người được ủy quyền, nội dung ủy quyền, thời hạn, phạm vi, điều kiện, trách nhiệm báo cáo và chế độ kiểm tra của người ủy quyền.

3. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại nếu không có chấp thuận rõ ràng; khi thực hiện ủy quyền phải nhân danh đúng chủ thể, lưu hồ sơ đầy đủ và chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền.

### **Điều 22. Các trường hợp bất thường Tổng Giám đốc phải trình hoặc xin ý kiến**

1. Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với công việc vượt hạn mức, vượt ngân sách, thay đổi mục tiêu, làm thay đổi đáng kể dòng tiền, làm phát sinh nghĩa vụ nợ lớn, thay đổi cơ cấu tài sản trọng yếu, thay đổi nhân sự quản lý thuộc thẩm quyền trên.

2. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến trước khi thực hiện đối với công việc có xung đột lợi ích; giao dịch với người có liên quan; giao dịch tiềm ẩn rủi ro pháp lý lớn; phương án có nguy cơ lỗ, giá bán dưới giá thành, ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thanh toán hoặc uy tín Công ty.

3. Trường hợp khẩn cấp cần xử lý ngay để ngăn ngừa thiệt hại lớn hơn, Tổng Giám đốc được áp dụng biện pháp tạm thời trong phạm vi cần thiết và phải báo cáo ngay Chủ tịch Hội đồng quản trị; việc tiếp tục thực hiện phải theo ý kiến của cấp có thẩm quyền.

4. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 23. Cơ chế báo cáo của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc phải thiết lập hệ thống báo cáo định kỳ và đột xuất phục vụ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Báo cáo định kỳ tối thiểu gồm: Kết quả thực hiện kế hoạch; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; dòng tiền; công nợ; hàng tồn kho; đầu tư; tình hình vốn, tài sản; nhân sự; tuân thủ pháp lý; công bố thông tin; rủi ro và kiến nghị xử lý.

3. Báo cáo đột xuất phải được thực hiện ngay khi xảy ra một trong các trường hợp: Không đạt chỉ tiêu trọng yếu; biến động bất thường; sự cố pháp lý; mất an toàn tài chính; phát sinh rủi ro vượt ngưỡng; giao dịch hoặc hành vi có dấu

hiệu vượt thẩm quyền; sự kiện có thể ảnh hưởng lớn đến vốn, tài sản, uy tín, nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

#### **Điều 24. Cơ chế giải trình của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ giải trình khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát trong phạm vi luật định; hoặc khi có sai lệch lớn so với kế hoạch, có rủi ro trọng yếu, có dấu hiệu vi phạm hoặc có kiến nghị của cơ quan kiểm toán/kiểm soát.

2. Báo cáo giải trình phải xác định rõ: Diễn biến sự việc; căn cứ pháp lý; người quyết định, người tham mưu, người thực hiện; nguyên nhân; mức độ ảnh hưởng; biện pháp khắc phục; trách nhiệm cá nhân, bộ phận liên quan.

3. Việc không giải trình, giải trình chậm, giải trình không trung thực hoặc cố ý che giấu thông tin là hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người điều hành.

### **CHƯƠNG VI**

#### **HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, GIÁM SÁT VÀ GIẢI TRÌNH**

##### **Điều 25. Thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ**

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty được thiết kế trên ba lớp: Kiểm soát tại nơi phát sinh; giám sát quản trị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và đầu mối được giao; kiểm tra, giám sát độc lập của Ban kiểm soát theo luật.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải bao phủ tối thiểu các lĩnh vực: Tài chính – kế toán; đầu tư; mua sắm; hợp đồng; công nợ; hàng tồn kho; quản lý tài sản; nhân sự; công bố thông tin; dữ liệu và bảo mật; công ty con; người đại diện phần vốn; tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro.

3. Quy trình kiểm soát phải gắn với từng công đoạn, từng hạn mức, từng đầu mối phê duyệt, từng sản phẩm đầu ra và cơ chế cảnh báo khi có dấu hiệu lệch chuẩn.

##### **Điều 26. Quyền giám sát của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát hoạt động điều hành thông qua hệ thống chỉ tiêu, báo cáo, dữ liệu, kế hoạch, ngân sách, hồ sơ giao dịch, giải trình và các công cụ quản trị khác.

2. Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, đối chiếu dữ liệu, mời cá nhân liên quan giải trình, yêu cầu tạm dừng hoặc điều chỉnh việc thực hiện công việc có dấu hiệu rủi ro hoặc vi phạm.

3. Việc giám sát của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị không thay thế hoạt động kiểm soát độc lập của Ban kiểm soát, nhưng là một bộ phận bắt buộc của cơ chế kiểm soát quyền lực trong Công ty.

##### **Điều 27. Vai trò của Văn phòng Hội đồng quản trị trong kiểm soát**

1. Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện chức năng tham mưu, hỗ trợ thẩm tra hồ sơ trình; theo dõi việc thực hiện nghị quyết; tổng hợp, phân tích báo cáo; phát hiện dấu hiệu sai lệch hoặc rủi ro và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Văn phòng Hội đồng quản trị được yêu cầu các tập thể, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo theo yêu cầu hợp pháp của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị; không được tự nhân danh mình ra mệnh lệnh điều hành, dừng hoạt động, phê duyệt hoặc từ chối hồ sơ ngoài phạm vi được giao.

3. Văn phòng Hội đồng quản trị phải bảo mật thông tin, bảo đảm khách quan, trung thực; không can thiệp vào thẩm quyền của Ban kiểm soát; không thực hiện nghiệp vụ kiểm toán hoặc kiểm tra thay cơ quan có chức năng.

### **Điều 28. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát**

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Văn phòng Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp trên nguyên tắc đúng chức năng, không chồng chéo, không cản trở lẫn nhau.

2. Kết luận, kiến nghị kiểm soát phải xác định rõ: Nội dung phát hiện; căn cứ; mức độ rủi ro; trách nhiệm sơ bộ; biện pháp xử lý; cơ quan, cá nhân thực hiện; thời hạn hoàn thành.

3. Trường hợp cùng phát hiện một vấn đề, các cơ quan kiểm soát phải trao đổi thông tin để thống nhất đầu mối xử lý, tránh trùng lặp kiểm tra, nhưng không được làm mất đi quyền, trách nhiệm độc lập của từng cơ quan.

### **Điều 29. Luồng báo cáo và luồng kiểm soát**

1. Luồng báo cáo trong Công ty được thiết kế theo nguyên tắc từ nơi phát sinh đến người chịu trách nhiệm trực tiếp, đến cấp điều hành, đến cấp quản trị, đồng thời bảo đảm đường truyền thông tin độc lập cho cơ quan kiểm soát khi có sự kiện bất thường.

2. Luồng kiểm soát được thiết kế theo chuỗi: Phát hiện – cảnh báo – xác minh – yêu cầu giải trình – quyết định xử lý – theo dõi khắc phục – đóng hồ sơ kiểm soát.

3. Không được cắt khúc, làm sạch số liệu, trì hoãn hoặc thay đổi luồng báo cáo, luồng kiểm soát nhằm né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm.

## **CHƯƠNG VII QUẢN TRỊ RỦI RO**

### **Điều 30. Nguyên tắc quản trị rủi ro**

1. Quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phòng ngừa trước, kiểm soát trong quá trình thực hiện, phát hiện sớm, xử lý kịp thời và gắn trách nhiệm cá nhân.

2. Rủi ro phải được nhận diện trên cơ sở dữ liệu, chỉ tiêu, giao dịch, dòng tiền, biến động thị trường, tuân thủ pháp luật, an toàn thông tin, uy tín thương hiệu và đặc thù doanh nghiệp lưỡng dụng có vốn Nhà nước chi phối.

3. Không cá nhân nào được vi phạm dẫn áp lực tiến độ, thông lệ ngành hoặc mệnh lệnh miệng để bỏ qua quy trình nhận diện, báo cáo và xử lý rủi ro.

### **Điều 31. Phân loại rủi ro**

1. Rủi ro của Công ty gồm tối thiểu các nhóm: rủi ro chiến lược; Rủi ro pháp lý; rủi ro tài chính; rủi ro đầu tư; rủi ro thị trường; rủi ro vận hành; rủi ro nhân sự; rủi ro dữ liệu, an ninh thông tin; rủi ro công bố thông tin; rủi ro tại công ty con và khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

2. Tùy từng nhóm rủi ro, Tổng Giám đốc tổ chức xây dựng tiêu chí nhận diện, chỉ số cảnh báo, ngưỡng báo cáo và biện pháp kiểm soát tương ứng; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp.

3. Rủi ro đặc thù liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bí mật công nghệ, chuỗi cung ứng vật tư chiến lược và nghĩa vụ với cơ quan quản lý nhà nước phải được theo dõi riêng bằng cơ chế kiểm soát tăng cường.

### **Điều 32. Trách nhiệm quản trị rủi ro**

1. Hội đồng quản trị quyết định định hướng và chính sách quản trị rủi ro; phê duyệt các giới hạn, nguyên tắc kiểm soát và cơ chế giám sát đối với rủi ro trọng yếu.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm soát việc tuân thủ chính sách quản trị rủi ro; chỉ đạo xem xét, xử lý các tình huống có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động, uy tín, vốn và tài sản của Công ty.

3. Tổng Giám đốc là đầu mối tổ chức nhận diện, đánh giá, cảnh báo, ứng phó, khắc phục rủi ro trong hoạt động điều hành; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và trung thực của báo cáo rủi ro.

4. Người đứng đầu đơn vị, cá nhân được giao phụ trách lĩnh vực phải quản trị rủi ro ngay tại khâu phát sinh; không được chuyển toàn bộ trách nhiệm rủi ro lên cấp trên khi chưa thực hiện đầy đủ biện pháp trong phạm vi được giao.

### **Điều 33. Báo cáo và xử lý rủi ro**

1. Khi phát sinh rủi ro hoặc dấu hiệu rủi ro vượt ngưỡng, bộ phận phát hiện phải báo cáo ngay người có thẩm quyền trực tiếp và đồng thời gửi đầu mối theo chế độ báo cáo rủi ro.

2. Rủi ro vượt thẩm quyền xử lý của đơn vị hoặc của Tổng Giám đốc phải được báo cáo ngay Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền; không được trì hoãn với lý do chờ đủ số liệu nếu việc chậm báo cáo có thể làm thiệt hại tăng lên.

3. Mọi phương án xử lý rủi ro phải gắn với xác định nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân, bộ phận, thiệt hại thực tế hoặc nguy cơ thiệt hại, biện pháp khắc phục và biện pháp ngăn ngừa tái diễn.

## **CHƯƠNG VIII**

## **MINH BẠCH, CÔNG BỐ THÔNG TIN, BẢO MẬT VÀ DỮ LIỆU**

### **Điều 34. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Công bố thông tin phải tuân thủ đúng pháp luật về chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ và nhất quán.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định pháp luật chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc công bố thông tin; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin nguồn cho việc công bố.

3. Hội đồng quản trị giám sát việc công bố thông tin; Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm soát quy trình công bố thông tin và xử lý ngay khi có dấu hiệu sai lệch hoặc chậm công bố.

### **Điều 35. Quy trình công bố thông tin**

1. Sự kiện, tài liệu, số liệu thuộc diện công bố phải được đơn vị đầu mối xác định ngay khi phát sinh; kiểm tra căn cứ pháp lý, thời hạn công bố, tính đầy đủ, thẩm quyền xác nhận và phê duyệt trước khi phát hành.

2. Không được công bố thông tin trên cơ sở dữ liệu chưa kiểm chứng, số liệu chưa đối chiếu, hồ sơ chưa hoàn tất hoặc ý kiến cá nhân chưa được xác nhận.

3. Khi phát hiện thông tin đã công bố có sai sót hoặc có thay đổi bản chất, đầu mối công bố thông tin phải lập tức báo cáo người có thẩm quyền để đính chính, công bố lại hoặc báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.

### **Điều 36. Bảo mật thông tin và quản trị dữ liệu**

1. Dữ liệu và thông tin nội bộ của Công ty là tài sản quản trị; phải được quản lý tập trung, phân quyền truy cập, lưu trữ an toàn, sao lưu, đối chiếu và truy vết.

2. Thông tin chưa công bố, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí mật quốc phòng – an ninh, dữ liệu nhân sự, dữ liệu tài chính và dữ liệu khách hàng phải được bảo mật theo mức độ mật tương ứng; chỉ người có nhiệm vụ mới được tiếp cận.

3. Nghiêm cấm việc tự ý sao chép, chuyển tiếp, tiết lộ, sử dụng thông tin nội bộ để trục lợi, phục vụ lợi ích cá nhân hoặc cung cấp cho bên thứ ba trái thẩm quyền.

### **Điều 37. Trách nhiệm đối với dữ liệu và hệ thống thông tin**

1. Tổng Giám đốc tổ chức xây dựng, vận hành và bảo đảm chất lượng hệ thống dữ liệu phục vụ điều hành; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và khả năng truy xuất của dữ liệu nguồn.

2. Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu, báo cáo và trích xuất thông tin phục vụ quản trị, giám sát; đơn vị được yêu cầu phải đáp ứng đầy đủ, đúng hạn và đúng định dạng theo yêu cầu hợp pháp.

3. Việc sửa dữ liệu sau khi đã ghi nhận phải được kiểm soát chặt chẽ, có lý do, người thực hiện, người phê duyệt và lưu vết thay đổi.

## **CHƯƠNG IX**

### **QUẢN TRỊ CÔNG TY CON, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN**

#### **Điều 38. Nguyên tắc quản trị công ty con**

1. Công ty thực hiện quyền chủ sở hữu tại công ty con, công ty có vốn góp thông qua Điều lệ của doanh nghiệp đó, nghị quyết, quyết định của Công ty và người đại diện phần vốn; không can thiệp trực tiếp, tùy tiện vào điều hành hằng ngày ngoài khuôn khổ pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn.

2. Quản trị công ty con phải bảo đảm các mục tiêu: Bảo toàn và phát triển vốn; kiểm soát giao dịch và đầu tư; minh bạch báo cáo; không để hình thành vùng điều hành không kiểm soát; xác định rõ trách nhiệm của người đại diện phần vốn và người quản lý tại công ty con.

3. Trường hợp công ty con không có vốn Nhà nước trực tiếp nhưng là nơi đầu tư vốn của Công ty, trách nhiệm của người đại diện phần vốn và người quản lý vẫn phải được xác định theo pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty con và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty.

#### **Điều 39. Nội dung phải xin ý kiến hoặc trình phê duyệt trước tại công ty con**

1. Người đại diện phần vốn và người quản lý tại công ty con phải xin ý kiến hoặc trình phê duyệt trước đối với tối thiểu các nội dung: Chiến lược phát triển; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm; kế hoạch tài chính; dự án đầu tư; cơ cấu vốn; mua bán tài sản lớn; vay, cho vay, bảo lãnh; giao dịch với người có liên quan; tổ chức lại doanh nghiệp; nhân sự quản lý theo phân cấp và các nội dung khác theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty.

2. Các hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu rủi ro như giá bán thấp hơn giá thành, nguy cơ lỗ, ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến dòng tiền, mất cân đối tài chính hoặc có khả năng làm thiệt hại đến vốn, tài sản phải được trình đúng thẩm quyền trước khi ký.

3. Người ký hợp đồng, người cho ý kiến, người biểu quyết và người tham mưu tại công ty con phải chịu trách nhiệm cá nhân nếu để phát sinh thiệt hại do vi phạm thẩm quyền, quy trình hoặc nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng.

#### **Điều 40. Chế độ báo cáo của công ty con và người đại diện phần vốn**

1. Công ty con và người đại diện phần vốn phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho Công ty mẹ theo biểu mẫu, thời hạn và nội dung quy định.

2. Nội dung báo cáo tối thiểu gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; dòng tiền; công nợ; đầu tư; giao dịch lớn; giao dịch với người có liên quan; tình hình vốn, tài sản; rủi ro phát sinh; kiến nghị xử lý.

3. Báo cáo phải trung thực, đầy đủ, đúng hạn; nghiêm cấm việc che giấu thông tin, lập hai hệ thống báo cáo, báo cáo sai lệch hoặc không báo cáo khi phát sinh sự kiện trọng yếu.

#### **Điều 41. Cơ chế kiểm soát đối với người đại diện phần vốn**

1. Người đại diện phần vốn phải nhận nhiệm vụ bằng văn bản; chịu sự quản lý, giám sát, đánh giá và xem xét trách nhiệm theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty.

2. Việc đánh giá người đại diện phần vốn phải căn cứ vào mức độ bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động, chất lượng báo cáo, việc chấp hành chỉ đạo, việc phòng ngừa rủi ro, việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn.

3. Trường hợp vi phạm, người đại diện phần vốn có thể bị yêu cầu giải trình, bị hạn chế thẩm quyền, bị thay thế, miễn nhiệm, bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG X**

#### **CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYẾT ĐỊNH SAI, XỬ LÝ VƯỢT THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN**

##### **Điều 42. Kiểm soát quyết định sai**

1. Quyết định được coi là có dấu hiệu sai khi thuộc một trong các trường hợp: Trái pháp luật; trái Điều lệ; trái Quy chế này; không đúng thẩm quyền; thiếu hồ sơ bắt buộc; dựa trên thông tin sai lệch; không đánh giá rủi ro cần thiết; có xung đột lợi ích nhưng không được kiểm soát; gây hoặc có nguy cơ cao gây thiệt hại đáng kể cho Công ty.

2. Khi phát hiện dấu hiệu quyết định sai, cá nhân, bộ phận, cơ quan kiểm soát có trách nhiệm báo cáo ngay người có thẩm quyền; người nhận báo cáo phải tổ chức xem xét ngay, quyết định tạm dừng, sửa đổi, hủy bỏ, thay thế hoặc tiếp tục thực hiện có điều kiện.

3. Việc xử lý quyết định sai không làm mất đi trách nhiệm của người đề xuất, người thẩm định, người ký, người biểu quyết và người tổ chức thực hiện.

##### **Điều 43. Xử lý trường hợp vượt thẩm quyền**

1. Mọi quyết định, cam kết, giao dịch, chỉ đạo hoặc hành vi vượt thẩm quyền phải bị dừng ngay khi phát hiện, trừ phần việc không thể dừng vì lý do an toàn, bảo mật hoặc hạn chế thiệt hại; trường hợp này phải có biện pháp tạm thời và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền.

2. Quyết định vượt thẩm quyền không mặc nhiên được hợp thức hóa bằng việc hoàn tất hồ sơ sau; việc chấp thuận bổ sung, nếu có, chỉ được xem xét trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính hợp pháp, lợi ích của Công ty và trách nhiệm cá nhân liên quan.

3. Cá nhân vượt thẩm quyền phải giải trình bằng văn bản; tùy tính chất, mức độ có thể bị hủy bỏ quyết định, thu hồi văn bản, bồi thường thiệt hại, xử lý

kỷ luật, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét theo pháp luật.

#### **Điều 44. Trách nhiệm cá nhân của người quản lý, người điều hành**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác, người đại diện phần vốn, người được ủy quyền và người có liên quan khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành, tránh xung đột lợi ích và nghĩa vụ khác theo pháp luật.

2. Trách nhiệm cá nhân được xác định tương ứng với vai trò của từng người trong chuỗi quyết định, bao gồm: Người đề xuất; người soạn thảo; người thẩm định; người cho ý kiến; người phê duyệt, biểu quyết; người ký; người tổ chức thực hiện; người giám sát.

3. Không áp dụng nguyên tắc trách nhiệm tập thể để xóa bỏ hoặc làm mờ trách nhiệm cá nhân; trường hợp không xác định được người chịu trách nhiệm chính thì người đứng đầu bộ phận hoặc người chủ trì công việc phải chịu trách nhiệm trước.

#### **Điều 45. Nguyên tắc bồi thường và hoàn trả**

1. Tổ chức, cá nhân gây thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, vượt thẩm quyền, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm, che giấu thông tin, báo cáo sai lệch hoặc hành vi vi phạm khác phải bồi thường theo quy định pháp luật và quy định nội bộ.

2. Trường hợp Công ty phải bồi thường cho bên thứ ba hoặc chịu tổn thất do hành vi vi phạm của cá nhân, Công ty có quyền xem xét yêu cầu cá nhân đó hoàn trả toàn bộ hoặc một phần thiệt hại tương ứng với lỗi và mức độ tham gia gây thiệt hại.

3. Việc xem xét trách nhiệm bồi thường không phụ thuộc vào việc cá nhân đó còn đang giữ chức vụ hay đã thôi chức, nghỉ việc hoặc chuyển công tác.

### **CHƯƠNG XI**

#### **LUỒNG RA QUYẾT ĐỊNH, LUỒNG BÁO CÁO VÀ LUỒNG KIỂM SOÁT**

##### **Điều 46. Luồng ra quyết định**

1. Luồng ra quyết định chuẩn trong Công ty gồm: Phát sinh nhu cầu – xác định thẩm quyền – lập hồ sơ – thẩm định – xin ý kiến/biểu quyết – phê duyệt – ban hành văn bản – tổ chức thực hiện – theo dõi – đánh giá kết quả.

2. Đối với quyết định thuộc Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bộ phận điều hành chỉ được tổ chức thực hiện sau khi đã có nghị quyết, quyết định hoặc ý kiến chấp thuận hợp lệ, trừ tình huống khẩn cấp được xử lý theo Điều 22 của Quy chế này.

3. Không được đảo ngược quy trình theo hướng ký trước, hợp thức hóa sau; triển khai trước, xin ý kiến sau; cam kết thương mại trước, hoàn thiện phê duyệt sau, trừ trường hợp pháp luật hoặc Quy chế này có quy định khác thật sự cần thiết.

#### **Điều 47. Luồng báo cáo**

1. Luồng báo cáo định kỳ đi theo tuyến: Đơn vị phát sinh – người phụ trách lĩnh vực – Tổng Giám đốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị; đồng thời bảo đảm cung cấp cho Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và kế hoạch kiểm soát.

2. Luồng báo cáo đột xuất đi theo nguyên tắc nhanh nhất đến người có thẩm quyền trực tiếp xử lý; trường hợp nội dung có thể ảnh hưởng lớn đến pháp lý, tài chính, công bố thông tin, vốn, tài sản hoặc uy tín thì phải đồng thời gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Nội dung báo cáo phải có số liệu, diễn giải, đánh giá nguyên nhân, trách nhiệm, phương án xử lý và kiến nghị; không chấp nhận báo cáo chỉ nêu hiện tượng mà không nêu tác động và đầu mối xử lý.

#### **Điều 48. Luồng kiểm soát**

1. Luồng kiểm soát gồm: Tiếp nhận thông tin – sàng lọc dấu hiệu rủi ro/vi phạm – kiểm tra hồ sơ, dữ liệu – yêu cầu giải trình – kết luận sơ bộ – quyết định biện pháp xử lý – theo dõi khắc phục – tổng hợp đóng vụ việc.

2. Đối với vụ việc nghiêm trọng, người có thẩm quyền có thể quyết định cơ chế kiểm soát tăng cường, bao gồm: tạm dừng giao dịch; tạm dừng ký mới; yêu cầu rà soát lại toàn bộ hồ sơ; kiểm tra chéo dữ liệu; chỉ định đầu mối giám sát trực tiếp; thay đổi đầu mối thực hiện.

3. Kết quả kiểm soát phải được lưu trữ thành hồ sơ độc lập để phục vụ truy cứu trách nhiệm, đánh giá hệ thống và hoàn thiện quy chế.

### **CHƯƠNG XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 49. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến, ban hành kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện Quy chế này trong toàn Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc thực hiện Quy chế; chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình có liên quan để bảo đảm thống nhất với Quy chế này.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai trong toàn hệ thống điều hành; cụ thể hóa thành quy trình, biểu mẫu, chế độ báo cáo và phân công trách nhiệm đến từng đầu mối.

4. Ban kiểm soát căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo luật để giám sát việc chấp hành Quy chế này; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý vi phạm khi cần thiết.

5. Người đại diện phần vốn, người quản lý, người điều hành, người lao động có liên quan và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện Quy chế này.

**Điều 50. Rà soát, sửa đổi, bổ sung**

1. Quy chế này được rà soát định kỳ hằng năm hoặc khi có một trong các căn cứ sau đây: Pháp luật thay đổi; Điều lệ thay đổi; mô hình quản trị thay đổi; phát sinh khoảng trống kiểm soát; phát sinh bất cập nghiêm trọng trong thực tiễn áp dụng.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ quy định khác.

3. Mọi đề xuất sửa đổi, bổ sung phải nêu rõ căn cứ, nội dung sửa đổi, tác động quản trị, tác động pháp lý và phương án chuyển tiếp.

**Điều 51. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành.

2. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, các quy định nội bộ trước đây trái với Quy chế này hết hiệu lực trong phạm vi trái đó.

3. Các bộ phận, đơn vị có trách nhiệm hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy chế, quy trình, biểu mẫu liên quan trong thời hạn ..... ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực và định kỳ thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Chu Văn Đệ**

CÔNG TY CỔ PHẦN X20  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 554/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

### **TỜ TRÌNH**

**V/v sửa đổi, bổ sung ban hành các quy chế của Công ty cổ phần X20**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 tổ chức họp thường niên ngày 18/06/2021 đã quyết nghị phê duyệt ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20.

Năm 2025, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành đã ban hành nhiều văn bản QPPL có liên quan. Do đó, các quy chế nêu trên cần phải được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 xem xét biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).
2. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐQT.H03.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /06/2026  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20)

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần X20;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày... tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20, phiên họp thường niên năm 2026,*

*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20.*

### **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện chức năng quyết định và giám sát.*
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, tổ chức hoạt động và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.*
- 3. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị.*
- 4. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát độc lập theo quy định của pháp luật.*

5. *Người quản lý* bao gồm các chức danh quản lý theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. *Người có liên quan* được hiểu theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các văn bản liên quan.

7. *Xung đột lợi ích* là tình huống mà lợi ích cá nhân hoặc lợi ích liên quan có khả năng làm ảnh hưởng đến tính khách quan trong việc thực hiện chức trách.

8. *Quyết định sai* là quyết định có một hoặc nhiều dấu hiệu như: ban hành sai thẩm quyền; trái pháp luật hoặc Điều lệ; thiếu căn cứ pháp lý hoặc dữ liệu; không đánh giá hoặc đánh giá sai rủi ro; có xung đột lợi ích chưa được kiểm soát; hoặc có khả năng gây thiệt hại đáng kể cho Công ty.

9. *Vi phạm* là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị, bao gồm cả hành vi cố ý và vô ý gây hậu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cho Công ty.

10. *Rủi ro* là khả năng xảy ra sự kiện làm ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu hoạt động, tài chính, pháp lý hoặc uy tín của Công ty.

11. *Kiểm soát rủi ro* là việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và áp dụng biện pháp để hạn chế tác động của rủi ro.

12. Các thuật ngữ khác được hiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

## **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Quy chế này quy định về vị trí, nguyên tắc hoạt động, quyền và nghĩa vụ, quy trình làm việc, quy trình họp và ra quyết định, cơ chế giám sát, quan hệ công tác, chế độ thông tin báo cáo, trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và các chủ thể có liên quan trong hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20.

b) Các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của Quy chế này, trừ trường hợp cần quy định để xác lập cơ chế phối hợp, kiểm soát, giám sát và phân định trách nhiệm trong quan hệ với Hội đồng quản trị.

c) Quy chế này được áp dụng thống nhất trong toàn Công ty và là căn cứ để Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động, kiểm soát việc thực thi quyền hạn và bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả trong quản trị công ty.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

a) Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty, bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan

đến việc chuẩn bị hồ sơ, cung cấp thông tin, tham mưu, tổ chức thực hiện hoặc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị.

b) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác, người đại diện phần vốn, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc và công ty con có trách nhiệm tuân thủ các quy định có liên quan của Quy chế này trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

### **Điều 3. Vị trí, chức năng của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng định hướng chiến lược, quyết định các vấn đề quản trị trọng yếu, giám sát điều hành, kiểm soát rủi ro, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan; bảo đảm Công ty hoạt động đúng pháp luật, đúng Điều lệ, đúng mục tiêu, ngành nghề, định hướng phát triển và đặc thù doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

3. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân của từng thành viên, bảo đảm không cá nhân hóa quyền lực trong hoạt động quản trị.

### **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản**

1. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Công ty và chỉ nhằm cụ thể hóa phương thức tổ chức thực hiện, không thay thế, không sửa đổi và không làm phát sinh nội dung trái với Điều lệ Công ty hoặc quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cùng một vấn đề được quy định khác nhau giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty thì áp dụng Điều lệ Công ty. Trường hợp Điều lệ Công ty và Quy chế này chưa quy định hoặc quy định không còn phù hợp với pháp luật hiện hành thì áp dụng quy định của pháp luật.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới kể từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực thi hành.

### **Điều 5. Nguyên tắc hiểu thuật ngữ**

1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, người có liên quan, giao dịch với bên có liên quan, xung đột lợi ích, nghị quyết, quyết định, lấy ý kiến bằng văn bản, người phụ trách quản trị công ty và các thuật ngữ khác được hiểu theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Các từ ngữ chỉ số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại khi ngữ cảnh đòi hỏi. Tiêu đề chương, điều, khoản, điểm chỉ nhằm mục đích thuận tiện trong theo dõi, tra cứu và không dùng để giới hạn nội dung quy định.

3. Việc diễn giải Quy chế này phải bảo đảm phù hợp với mục tiêu tăng cường quản trị minh bạch, kiểm soát quyền lực, phòng ngừa lạm quyền, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

## **CHƯƠNG II**

### **NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 6. Nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị không được ban hành nghị quyết, quyết định hoặc thực hiện hành vi quản trị vượt quá thẩm quyền, trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty, trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc làm phát sinh nghĩa vụ, rủi ro, thiệt hại không cần thiết cho Công ty.

3. Mọi quyết định của Hội đồng quản trị phải có căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, căn cứ dữ liệu và căn cứ thẩm quyền rõ ràng; phải bảo đảm có thể kiểm tra, đối chiếu, giải trình và truy vết.

#### **Điều 7. Nguyên tắc làm việc tập thể gắn với trách nhiệm cá nhân**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận dân chủ, phản biện thực chất, quyết định theo đa số và chịu trách nhiệm tập thể về nghị quyết, quyết định đã được thông qua.

2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến phát biểu, quan điểm chuyên môn, phiếu biểu quyết, nội dung được phân công theo dõi, giám sát và trách nhiệm cảnh báo rủi ro thuộc phạm vi mình biết hoặc phải biết khi thực hiện chức trách.

3. Không thành viên nào được nhân danh Hội đồng quản trị để quyết định hoặc chỉ đạo công việc thuộc thẩm quyền tập thể của Hội đồng quản trị nếu không có căn cứ ủy quyền hoặc phân công hợp lệ.

#### **Điều 8. Nguyên tắc trung thành, cẩn trọng, liêm chính và vì lợi ích tốt nhất của Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, liêm chính, thiện chí và vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty; không

được lợi dụng địa vị, chức vụ, thông tin, cơ hội kinh doanh, tài sản hoặc ảnh hưởng của Công ty để thu lợi cho mình hoặc cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải độc lập về ý chí khi xem xét, thảo luận và biểu quyết; không bị chi phối bởi lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, quan hệ cá nhân, áp lực hành chính không phù hợp hoặc chỉ đạo không đúng thẩm quyền.

3. Trường hợp có nhiều lợi ích cần cân nhắc, Hội đồng quản trị phải ưu tiên lợi ích hợp pháp, bền vững, dài hạn của Công ty gắn với nhiệm vụ chính trị, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh, an toàn pháp lý, an toàn tài chính, uy tín và thương hiệu của Công ty.

#### **Điều 9. Nguyên tắc phân định thẩm quyền giữa quản trị và điều hành**

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị, định hướng, quyết định và giám sát; Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty. Việc phân định giữa quản trị và điều hành phải rõ ràng, không chồng chéo, không bỏ trống trách nhiệm, không can thiệp tùy tiện vào hoạt động điều hành thường xuyên.

2. Hội đồng quản trị không trực tiếp thay Tổng Giám đốc xử lý các công việc thuộc thẩm quyền điều hành hằng ngày, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị quy định khác hoặc khi cần áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt để ngăn ngừa rủi ro, vi phạm hoặc thiệt hại.

3. Tổng Giám đốc không được nhân danh điều hành để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc làm thay chức năng kiểm soát, giám sát, đánh giá của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 10. Nguyên tắc minh bạch, công khai nội bộ và bảo mật thông tin**

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị phải được thực hiện trên cơ sở minh bạch trong nội bộ về hồ sơ, tài liệu, cơ sở dữ liệu, căn cứ trình, ý kiến thẩm tra, ý kiến phản biện, kết quả biểu quyết và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận đầy đủ, kịp thời và bình đẳng đối với tài liệu cần thiết để thực hiện chức trách của mình; không ai được cố ý che giấu, trì hoãn, bóp méo hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ nhằm làm sai lệch nhận định của Hội đồng quản trị.

3. Việc minh bạch nội bộ phải đi đôi với bảo mật thông tin. Thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty và các chủ thể liên quan có trách nhiệm giữ bí mật đối với thông tin chưa công bố, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí mật tài chính, bí mật nhân sự và thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

#### **Điều 11. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực và tự kiểm soát**

1. Hội đồng quản trị phải thiết lập và duy trì các cơ chế kiểm soát quyền lực trong toàn bộ quá trình xem xét, quyết định, ủy quyền, giám sát và đánh giá. Mọi quyền lực được giao phải gắn với giới hạn, điều kiện, trách nhiệm, cơ chế kiểm tra và cơ chế thu hồi.

2. Không tập trung quyền lực quá mức vào một cá nhân, không để phát sinh tình trạng quyết định theo tiền lệ cá nhân, quan hệ cá nhân hoặc cơ chế xin cho nội bộ. Mọi đề xuất vượt thẩm quyền, không đủ căn cứ hoặc có dấu hiệu rủi ro cao phải được yêu cầu thẩm định lại, giải trình lại hoặc tạm dừng xem xét.

3. Hội đồng quản trị phải thường xuyên tự rà soát chất lượng quyết định, chất lượng giám sát và mức độ tuân thủ của chính mình; kịp thời sửa đổi, bổ sung quy trình làm việc khi phát sinh bất cập.

### **Điều 12. Nguyên tắc hiệu quả, kịp thời và có thể thực thi**

1. Hội đồng quản trị phải quyết định đúng thẩm quyền, đúng thời điểm, đúng mức độ cần thiết và bảo đảm nghị quyết, quyết định ban hành có tính khả thi, có phân công rõ người chịu trách nhiệm, thời hạn thực hiện, nguồn lực thực hiện và tiêu chí kiểm tra, đánh giá.

2. Không vì thận trọng hình thức mà kéo dài không cần thiết việc ra quyết định, làm lỡ cơ hội kinh doanh, làm tăng chi phí hoặc tạo khoảng trống quản trị; đồng thời không vì áp lực tiến độ mà bỏ qua thẩm tra, bỏ qua cảnh báo rủi ro hoặc hợp thức hóa hồ sơ chưa đủ điều kiện.

3. Đối với vấn đề cấp bách, Hội đồng quản trị phải áp dụng cơ chế xử lý phù hợp để bảo đảm vừa kịp thời vừa đúng pháp luật, có hậu kiểm và có trách nhiệm giải trình.

## **CHƯƠNG III**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cơ quan quản lý Công ty theo pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm quyết định chiến lược, kế hoạch, chính sách quan trọng; quyết định cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền; quyết định đầu tư, tài chính, nhân sự, giám sát điều hành và thực hiện các quyền khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức quản trị Công ty theo chuẩn mực thận trọng, kiểm soát rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm hiệu quả, minh bạch, tuân thủ pháp luật, phù hợp đặc thù doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

#### **Điều 14. Quyền quyết định chiến lược, kế hoạch và định hướng phát triển**

1. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các định hướng chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn; kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm; kế hoạch đầu tư phát triển; chiến lược thị trường, sản phẩm, thương hiệu, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phương án tái cơ cấu Công ty theo thẩm quyền.

2. Khi xem xét chiến lược và kế hoạch, Hội đồng quản trị phải đánh giá đồng thời hiệu quả tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, năng lực tổ chức thực hiện, nhu cầu đầu tư, khả năng cân đối dòng tiền, yêu cầu bảo vệ môi trường, yêu cầu quốc phòng, an ninh và các rủi ro pháp lý, thị trường, vận hành, nhân sự có liên quan.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức rà soát định kỳ việc thực hiện chiến lược và kế hoạch; kịp thời điều chỉnh khi bối cảnh, điều kiện thị trường, chính sách hoặc năng lực thực hiện thay đổi đáng kể.

#### **Điều 15. Quyền quyết định về đầu tư, tài chính và tài sản**

1. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án đầu tư, giao dịch, hợp đồng, phương án mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn, sử dụng tài sản, xử lý tài sản và các vấn đề tài chính khác theo đúng thẩm quyền, hạn mức và điều kiện của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải bảo đảm mọi quyết định đầu tư và tài chính được xem xét trên cơ sở hồ sơ đầy đủ, phân tích hiệu quả, đánh giá tính cần thiết, tính hợp pháp, nguồn vốn, khả năng thu hồi, ngưỡng chịu rủi ro, phương án tổ chức thực hiện và cơ chế hậu kiểm.

3. Hội đồng quản trị không được quyết định đầu tư theo phong trào, đầu tư dàn trải, đầu tư vượt khả năng kiểm soát hoặc cho phép sử dụng vốn, tài sản của Công ty vào mục đích không rõ hiệu quả, không đúng thẩm quyền hoặc không phù hợp với chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt.

#### **Điều 16. Quyền quyết định về tổ chức bộ máy và quản trị nội bộ**

1. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty theo thẩm quyền; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, đơn vị trực thuộc, công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, ban dự án và các bộ phận khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị ban hành hoặc trình phê duyệt các quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính, quy chế đầu tư, quy chế phân cấp, quy chế người đại diện phần vốn, quy chế thông tin, quy chế giám sát, quy chế tiền lương, thù lao, đánh giá hiệu quả và các cơ chế quản trị cần thiết khác trong phạm vi thẩm quyền.

3. Khi quyết định tổ chức bộ máy và cơ chế quản trị nội bộ, Hội đồng quản trị phải bảo đảm nguyên tắc tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, rõ chức năng, rõ thẩm quyền,

rõ trách nhiệm, rõ cơ chế phối hợp, rõ cơ chế kiểm soát và tránh trùng lặp, chồng chéo.

**Điều 17. Quyền quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đánh giá nhân sự thuộc thẩm quyền**

1. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh khác thuộc thẩm quyền; quyết định cử, thay đổi, đánh giá người đại diện phần vốn, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Việc xem xét nhân sự thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phải căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ nhân sự, kết quả đánh giá, yêu cầu nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, mức độ đáp ứng mục tiêu chiến lược và yêu cầu kiểm soát rủi ro.

3. Hội đồng quản trị phải tổ chức đánh giá định kỳ và đột xuất đối với Tổng Giám đốc, người quản lý thuộc thẩm quyền và người đại diện phần vốn; kịp thời chấn chỉnh, thay thế hoặc xử lý khi phát hiện không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm, mất uy tín hoặc có rủi ro ảnh hưởng đáng kể đến Công ty.

**Điều 18. Quyền giám sát, kiểm tra và yêu cầu cung cấp thông tin**

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý, người đại diện phần vốn, người đứng đầu đơn vị trực thuộc và các chủ thể có liên quan cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu, số liệu, báo cáo, giải trình về mọi vấn đề thuộc phạm vi giám sát của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có quyền tổ chức kiểm tra, giám sát chuyên đề, làm việc trực tiếp, yêu cầu rà soát, kiểm toán nội bộ hoặc yêu cầu giải trình bổ sung đối với các lĩnh vực có dấu hiệu rủi ro, yếu kém, chậm tiến độ, thất thoát, vi phạm hoặc hiệu quả thấp.

3. Mọi hành vi che giấu thông tin, báo cáo sai lệch, cung cấp không đầy đủ, trì hoãn cung cấp thông tin hoặc cản trở hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đều bị xem là vi phạm kỷ luật quản trị và phải được xử lý theo quy định.

**Điều 19. Nghĩa vụ trình, báo cáo và giải trình của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị, trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung thuộc thẩm quyền; tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát, kết quả quản trị, việc thực hiện kế hoạch, chiến lược và các nội dung phải công khai theo quy định.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, cơ quan có thẩm quyền, cổ đông theo quy định pháp luật, Ban kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Giải trình phải trung thực, đúng thời hạn, có căn cứ, làm rõ cả kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp khắc phục.

**Điều 20. Nghĩa vụ bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cổ đông và Công ty**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trên cơ sở hài hòa, đúng pháp luật, phù hợp vai trò và tỷ lệ sở hữu, không thiên vị, không phân biệt đối xử trái pháp luật.

2. Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty, Hội đồng quản trị phải đặc biệt chú trọng yêu cầu bảo toàn, phát triển vốn, tuân thủ cơ chế đại diện chủ sở hữu, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng giới hạn rủi ro và bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch.

3. Hội đồng quản trị không được ban hành hoặc thực hiện quyết định gây thiệt hại trái pháp luật cho Công ty, xâm hại quyền hợp pháp của cổ đông hoặc làm sai lệch nguyên tắc bình đẳng giữa các cổ đông cùng loại.

## **CHƯƠNG IV**

### **QUY TRÌNH HỌP VÀ RA QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 21. Chương trình công tác và kế hoạch họp của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chương trình công tác năm, kế hoạch họp định kỳ và họp bất thường khi cần thiết. Chương trình công tác năm phải bao quát các nội dung trọng yếu về chiến lược, kế hoạch, tài chính, đầu tư, nhân sự, quản trị rủi ro, công bố thông tin, công ty con và giám sát việc thực hiện nghị quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì xây dựng dự kiến chương trình công tác năm và kế hoạch họp định kỳ để Hội đồng quản trị xem xét thống nhất; đồng thời tổ chức cập nhật, điều chỉnh khi có yêu cầu thực tiễn hoặc yêu cầu pháp lý phát sinh.

3. Việc tổ chức họp phải bảo đảm để Hội đồng quản trị chủ động quản trị, không chỉ xử lý sự vụ mà còn thực hiện đầy đủ chức năng định hướng và giám sát.

**Điều 22. Chuẩn bị hồ sơ trình Hội đồng quản trị**

1. Mọi nội dung trình Hội đồng quản trị phải có tờ trình/báo cáo, dự thảo nghị quyết hoặc dự thảo quyết định và hồ sơ kèm theo đủ để làm rõ căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, mục tiêu, nội dung đề xuất, phương án, tác động, rủi ro, ý kiến liên quan và kiến nghị quyết định.

2. Hồ sơ trình phải do đúng cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và hợp pháp của thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ.

3. Hồ sơ không đủ điều kiện về thẩm quyền, thiếu căn cứ, thiếu dữ liệu, thiếu đánh giá rủi ro hoặc có dấu hiệu mâu thuẫn, xung đột lợi ích chưa được làm rõ thì

không được đưa vào chương trình họp chính thức, trừ trường hợp cần thảo luận sơ bộ để yêu cầu hoàn thiện.

### **Điều 23. Triệu tập họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này. Trường hợp Chủ tịch không thể thực hiện thì việc triệu tập, chủ trì được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hợp Hội đồng quản trị được tổ chức định kỳ hoặc bất thường. Hợp bất thường được triệu tập khi có vấn đề cấp bách, phát sinh rủi ro lớn, xuất hiện dấu hiệu vi phạm, phát sinh nội dung vượt thẩm quyền điều hành hoặc khi có yêu cầu hợp lệ của chủ thể có thẩm quyền.

3. Thông báo mời họp phải nêu rõ thời gian, địa điểm hoặc hình thức họp, chương trình họp, nội dung từng vấn đề, danh mục tài liệu gửi kèm và các yêu cầu cần thiết khác. Thời hạn gửi thông báo và tài liệu phải đủ để thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến.

### **Điều 24. Hình thức họp và điều kiện hợp lệ của cuộc họp**

1. Hội đồng quản trị có thể họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp các hình thức phù hợp với điều kiện kỹ thuật và yêu cầu bảo mật. Hình thức họp được lựa chọn phải bảo đảm xác định được người tham gia, khả năng trao đổi trực tiếp, khả năng biểu quyết và khả năng lập biên bản họp lệ.

2. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi bảo đảm điều kiện hợp lệ theo pháp luật và Điều lệ Công ty. Trước khi khai mạc, chủ tọa phải xác định, công bố tình trạng hợp lệ của cuộc họp và ghi nhận vào biên bản.

3. Nếu điều kiện hợp lệ không được bảo đảm thì cuộc họp không được tiến hành hoặc phải tạm dừng để khắc phục. Mọi nghị quyết, quyết định được thông qua trên cơ sở cuộc họp không hợp lệ phải được xem xét lại.

### **Điều 25. Trình tự thảo luận và biểu quyết**

1. Mỗi nội dung trong chương trình họp phải được trình bày rõ về căn cứ, nội dung đề xuất, tác động, rủi ro và nội dung cần Hội đồng quản trị quyết định. Sau phần trình bày, các thành viên Hội đồng quản trị được quyền chất vấn, yêu cầu giải trình, phản biện và đề nghị bổ sung thông tin.

2. Chủ tọa có trách nhiệm điều hành thảo luận dân chủ, khách quan, không hạn chế bất hợp lý quyền phát biểu, phản biện và quyền bảo lưu ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Sau khi thảo luận đầy đủ, Hội đồng quản trị tiến hành biểu quyết theo hình thức phù hợp. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp pháp luật có

quy định khác. Thành viên có xung đột lợi ích không được tham gia biểu quyết đối với nội dung có liên quan.

#### **Điều 26. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ được ban hành khi được thông qua đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đúng tỷ lệ biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nội dung nghị quyết, quyết định phải rõ ràng, cụ thể, xác định đầy đủ căn cứ ban hành, nội dung quyết định, người hoặc đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện, thời hạn thực hiện, chế độ báo cáo, cơ chế giám sát và hiệu lực thi hành.

3. Không được tự ý sửa đổi bản chất nội dung đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua khi hoàn thiện văn bản ban hành.

#### **Điều 27. Lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc hình thức điện tử có giá trị tương đương đối với những vấn đề phù hợp, không nhất thiết phải tổ chức họp, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hồ sơ lấy ý kiến phải tương đương hồ sơ họp về mức độ đầy đủ, rõ ràng. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu làm rõ thông tin hoặc đề nghị chuyển sang họp nếu nội dung phức tạp, nhạy cảm hoặc có rủi ro cao.

3. Kết quả lấy ý kiến bằng văn bản phải được tổng hợp thành văn bản, lưu cùng hồ sơ quyết định và có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện hợp lệ.

#### **Điều 28. Biên bản họp, lưu trữ hồ sơ và hậu kiểm quyết định**

1. Mọi cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập biên bản trung thực, đầy đủ, phản ánh rõ thành phần tham dự, tình trạng họp lệ, diễn biến thảo luận, ý kiến bảo lưu, kết quả biểu quyết và nội dung được thông qua.

2. Biên bản, tài liệu họp, phiếu biểu quyết, dữ liệu họp trực tuyến, văn bản lấy ý kiến, nghị quyết, quyết định và tài liệu liên quan phải được lưu trữ đầy đủ, an toàn, bảo mật, có khả năng truy xuất và phục vụ kiểm tra, giải trình, hậu kiểm.

3. Sau khi ban hành nghị quyết, quyết định, Hội đồng quản trị phải tổ chức theo dõi, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện; kịp thời phát hiện sai lệch, chậm trễ, rủi ro hoặc vi phạm để yêu cầu chấn chỉnh, điều chỉnh hoặc xử lý.

### **CHƯƠNG V**

#### **CƠ CHẾ GIÁM SÁT ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 29. Mục tiêu, phạm vi và nguyên tắc giám sát điều hành**

1. Giám sát điều hành là chức năng trọng yếu của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty, chiến lược, kế hoạch, nghị quyết của Hội đồng quản trị và giới hạn rủi ro đã được chấp thuận.

2. Giám sát điều hành không nhằm thay thế vai trò điều hành của Tổng Giám đốc mà nhằm kiểm soát chất lượng điều hành, tính tuân thủ, tiến độ thực hiện, hiệu quả sử dụng nguồn lực, khả năng hoàn thành mục tiêu, mức độ phát sinh rủi ro và trách nhiệm cá nhân của người quản lý.

3. Giám sát điều hành phải được thực hiện thường xuyên, có hệ thống, có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu, chỉ tiêu, hồ sơ, kiểm tra thực tế và cơ chế giải trình; không làm hình thức, không dựa chủ yếu vào báo cáo một chiều.

### **Điều 30. Cơ sở giám sát điều hành của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát điều hành trên cơ sở chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, ngân sách, chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo định kỳ và đột xuất, báo cáo kiểm toán, kết quả kiểm tra nội bộ, ý kiến của Ban kiểm soát và các nguồn thông tin hợp pháp khác.

2. Nội dung giám sát phải bao gồm ít nhất việc thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị dòng tiền, quản trị nợ, tồn kho, đầu tư, mua sắm, ký kết hợp đồng lớn, quản trị nhân sự chủ chốt, thực hiện nghĩa vụ pháp lý, thực hiện công bố thông tin, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình công ty con, đơn vị trực thuộc.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xác lập bộ chỉ tiêu giám sát chủ yếu theo từng giai đoạn, bảo đảm có thể đo lường, so sánh, cảnh báo và quy trách nhiệm.

### **Điều 31. Chế độ báo cáo phục vụ giám sát điều hành**

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất, chuyên đề để phục vụ Hội đồng quản trị giám sát điều hành. Báo cáo phải trung thực, đúng thời hạn, đầy đủ, có phân tích nguyên nhân, đánh giá rủi ro, kiến nghị giải pháp và xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận liên quan.

2. Hệ thống báo cáo phục vụ giám sát điều hành phải bao gồm tối thiểu báo cáo tháng, quý, năm; báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; báo cáo đầu tư; báo cáo tài chính và quản trị tài chính; báo cáo nhân sự; báo cáo pháp chế, tuân thủ; báo cáo rủi ro; báo cáo công ty con và báo cáo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo yêu cầu.

3. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu điều chỉnh mẫu biểu, tần suất, phạm vi và mức độ chi tiết của báo cáo khi thấy cần thiết để bảo đảm giám sát hiệu quả.

### **Điều 32. Cơ chế làm việc, giải trình và chất vấn đối với Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm trực tiếp tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị khi được yêu cầu, báo cáo trung thực, giải trình đầy đủ và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất, phương án điều hành thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền chất vấn Tổng Giám đốc, yêu cầu làm rõ nguyên nhân chậm tiến độ, vượt chi phí, giảm hiệu quả, tăng rủi ro, vi phạm quy định hoặc các dấu hiệu bất thường khác. Tổng Giám đốc không được từ chối giải trình, trừ trường hợp pháp luật cấm hoặc thông tin thuộc phạm vi cần xử lý theo chế độ đặc biệt và phải nêu rõ lý do.

3. Nội dung chất vấn, giải trình và kết luận giám sát phải được ghi nhận trong biên bản họp hoặc văn bản làm việc để làm căn cứ theo dõi, hậu kiểm và đánh giá trách nhiệm.

### **Điều 33. Kiểm tra chuyên đề, giám sát đột xuất và làm việc thực địa**

1. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tổ chức kiểm tra chuyên đề, giám sát đột xuất hoặc làm việc trực tiếp tại cơ quan, đơn vị, công ty con, dự án, nhà máy, kho, bộ phận nghiệp vụ nhằm xác minh thông tin, đánh giá thực trạng và phát hiện sớm rủi ro.

2. Việc kiểm tra, giám sát phải có mục tiêu, phạm vi, nội dung, thời gian và người chịu trách nhiệm rõ ràng; bảo đảm không gây cản trở không cần thiết cho hoạt động điều hành, đồng thời đủ chặt chẽ để phát hiện bản chất vấn đề.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát phải được tổng hợp thành văn bản, nêu rõ phát hiện, đánh giá, trách nhiệm, kiến nghị và thời hạn khắc phục.

### **Điều 34. Đánh giá kết quả điều hành và xử lý sau kiểm tra, giám sát**

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị định kỳ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền, bảo đảm gắn với mục tiêu, chỉ tiêu, chất lượng điều hành, khả năng kiểm soát rủi ro, tính tuân thủ và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Trường hợp phát hiện hạn chế, yếu kém, vi phạm hoặc nguy cơ gây thiệt hại, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các chủ thể liên quan xây dựng kế hoạch khắc phục, báo cáo tiến độ và chịu sự giám sát tăng cường.

3. Trường hợp không khắc phục, khắc phục không đạt yêu cầu, tái phạm hoặc có vi phạm nghiêm trọng, Hội đồng quản trị xem xét áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền, bao gồm cảnh báo, phê bình, yêu cầu thay đổi phương án điều hành, tạm dừng nội dung rủi ro, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

### **Điều 35. Cơ chế dừng, hoãn hoặc yêu cầu xem xét lại quyết định điều hành**

1. Khi có căn cứ cho thấy quyết định hoặc hành vi điều hành có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, trái nghị quyết của Hội đồng quản trị, xung đột lợi ích, tiềm ẩn thiệt hại lớn hoặc rủi ro không thể chấp nhận, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu dừng, hoãn hoặc xem xét lại.

2. Yêu cầu dừng, hoãn hoặc xem xét lại phải được thể hiện bằng văn bản hoặc được ghi nhận chính thức trong biên bản họp, nêu rõ căn cứ, phạm vi và yêu cầu xử lý tiếp theo. Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan có trách nhiệm chấp hành ngay, trừ trường hợp việc dừng sẽ gây thiệt hại lớn hơn và phải báo cáo ngay để Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

3. Cơ chế này là công cụ kiểm soát quyền lực quản trị, không được lạm dụng để can thiệp tùy tiện vào điều hành thông thường nhưng cũng không được né tránh khi xuất hiện rủi ro, vi phạm hoặc dấu hiệu thất thoát.

## **CHƯƠNG VI**

### **CƠ CHẾ KIỂM SOÁT RỦI RO VÀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

#### **Điều 36. Nguyên tắc kiểm soát rủi ro**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thiết lập định hướng, khẩu vị rủi ro, cơ chế nhận diện, phân loại, theo dõi, cảnh báo, ứng phó và giám sát rủi ro trong toàn Công ty phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động và đặc thù doanh nghiệp.

2. Rủi ro phải được kiểm soát ngay từ khâu ra quyết định, tổ chức thực hiện và giám sát; không được chờ đến khi thiệt hại phát sinh mới xử lý. Mọi lĩnh vực trọng yếu như đầu tư, tài chính, hợp đồng, mua sắm, nhân sự, pháp lý, công nghệ, môi trường, an toàn, an ninh mạng, công bố thông tin và quản trị công ty con đều phải có cơ chế nhận diện và kiểm soát rủi ro phù hợp.

3. Hội đồng quản trị phải định kỳ rà soát các rủi ro trọng yếu, yêu cầu điều hành xây dựng và cập nhật các phương án kiểm soát, ứng phó và khắc phục.

#### **Điều 37. Hệ thống nhận diện, cảnh báo và báo cáo rủi ro**

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức hệ thống nhận diện, đo lường, theo dõi và báo cáo rủi ro; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, đặc biệt là rủi ro có khả năng ảnh hưởng lớn đến vốn, tài sản, dòng tiền, uy tín, tính liên tục hoạt động hoặc trách nhiệm pháp lý của Công ty.

2. Báo cáo rủi ro phải nêu rõ nguồn gốc rủi ro, xác suất, mức độ ảnh hưởng, bộ phận chịu trách nhiệm kiểm soát, biện pháp ứng phó đang áp dụng, biện pháp đề xuất và ngưỡng quyết định cần Hội đồng quản trị xem xét.

3. Trường hợp phát sinh sự kiện bất thường hoặc rủi ro vượt ngưỡng chấp nhận, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, không chờ kỳ báo cáo định kỳ.

### **Điều 38. Kiểm soát giao dịch, quyết định và hoạt động có rủi ro cao**

1. Hội đồng quản trị phải đặc biệt kiểm soát các giao dịch với bên có liên quan, giao dịch lớn, đầu tư dự án, mua sắm tài sản giá trị lớn, sử dụng vốn vay đáng kể, bảo lãnh, cho vay, chuyển nhượng vốn, quyết định nhân sự chủ chốt, thay đổi cơ cấu tổ chức quan trọng và các hoạt động khác có nguy cơ phát sinh rủi ro cao.

2. Các nội dung rủi ro cao chỉ được xem xét khi hồ sơ có thẩm định pháp lý, thẩm định tài chính, thẩm định kỹ thuật hoặc ý kiến chuyên môn cần thiết; đồng thời phải có phương án kiểm soát, giới hạn chịu rủi ro, người chịu trách nhiệm và kế hoạch hậu kiểm.

3. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu tư vấn độc lập hoặc yêu cầu rà soát lại hồ sơ trước khi quyết định đối với nội dung phức tạp, nhạy cảm hoặc chưa đủ căn cứ.

### **Điều 39. Nguyên tắc phòng ngừa và xử lý xung đột lợi ích**

1. Thành viên Hội đồng quản trị và các chủ thể có liên quan phải chủ động nhận diện, kê khai, công khai và xử lý xung đột lợi ích ngay khi phát sinh hoặc có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện chức trách.

2. Xung đột lợi ích được hiểu là tình huống trong đó lợi ích cá nhân, lợi ích của người có liên quan hoặc lợi ích của tổ chức có liên quan có thể ảnh hưởng hoặc bị cho là có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực, độc lập trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty.

3. Không được che giấu xung đột lợi ích, không được lợi dụng vị trí để tác động đến quyết định của Hội đồng quản trị, không được sử dụng thông tin, cơ hội kinh doanh hoặc tài sản của Công ty cho lợi ích riêng.

### **Điều 40. Kê khai, công khai và loại trừ quyền tham gia khi có xung đột lợi ích**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai đầy đủ các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; cập nhật kịp thời khi có thay đổi. Việc kê khai phải được lưu giữ và phục vụ hoạt động kiểm soát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Khi một nội dung có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc người có liên quan của thành viên đó, thành viên liên quan phải công khai trước khi thảo luận, không tham gia định hướng kết quả và không biểu quyết đối với nội dung có xung đột lợi ích theo quy định.

3. Trường hợp có nghi ngờ hợp lý về xung đột lợi ích mà thành viên liên quan không tự công khai thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc Ban kiểm soát có quyền yêu cầu làm rõ và ghi nhận vào biên bản.

### **Điều 41. Sử dụng thông tin nội bộ và cơ hội kinh doanh của Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty và các chủ thể liên quan không được sử dụng thông tin nội bộ của Công ty để giao dịch, đầu cơ, tư lợi hoặc cung cấp cho người khác để trục lợi.

2. Mọi cơ hội kinh doanh phát sinh từ hoạt động, thông tin, quan hệ hoặc tài sản của Công ty trước hết phải được xem xét vì lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được chiếm đoạt cơ hội kinh doanh thuộc về Công ty hoặc chuyển cơ hội đó cho bên khác trái với lợi ích của Công ty.

3. Việc vi phạm quy định về sử dụng thông tin nội bộ hoặc chiếm đoạt cơ hội kinh doanh là hành vi vi phạm nghiêm trọng, là căn cứ xem xét trách nhiệm, bồi thường và xử lý theo pháp luật.

### **Điều 42. Xử lý vi phạm trong kiểm soát rủi ro và xung đột lợi ích**

1. Trường hợp phát hiện vi phạm về kiểm soát rủi ro hoặc xung đột lợi ích, Hội đồng quản trị phải kịp thời yêu cầu dừng hành vi vi phạm, ngăn ngừa hậu quả, khắc phục thiệt hại, rà soát lại quyết định có liên quan và xem xét trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan.

2. Tùy tính chất, mức độ vi phạm, Hội đồng quản trị áp dụng hoặc kiến nghị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp như phê bình, cảnh báo, yêu cầu giải trình, miễn tham gia quyết định, thu hồi ủy quyền, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc xử lý phải bảo đảm kịp thời, công bằng, có căn cứ, không bao che, không hợp thức hóa vi phạm và phải lưu hồ sơ đầy đủ.

## **CHƯƠNG VII**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 43. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc**

1. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là quan hệ giữa cơ quan quản trị và người điều hành, được xác lập trên nguyên tắc phân định rõ thẩm quyền, phối hợp chặt chẽ, tôn trọng chức năng của nhau, gắn giao quyền với kiểm soát và trách nhiệm giải trình.

2. Hội đồng quản trị quyết định mục tiêu, định hướng, giới hạn quản trị, chỉ tiêu chủ yếu, cơ chế giám sát và đánh giá. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai, điều hành hoạt động hằng ngày, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Mọi chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc về nguyên tắc phải được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định, kết luận hợp hoặc văn bản hợp lệ; không thực hiện cơ chế chỉ đạo không chính thức làm phát sinh rủi ro quản trị.

#### **Điều 44. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là hai thiết chế có chức năng khác nhau nhưng cùng hướng tới mục tiêu bảo đảm quản trị minh bạch, tuân thủ pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát theo pháp luật và Điều lệ Công ty; kịp thời cung cấp hoặc chỉ đạo cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu cần thiết theo thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị xem xét nghiêm túc các kiến nghị của Ban kiểm soát; trường hợp không chấp nhận phải có văn bản hoặc kết luận rõ lý do, căn cứ và phương án xử lý thay thế nếu có.

#### **Điều 45. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện để cổ đông thực hiện đầy đủ quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được đối xử bình đẳng, quyền được tiếp cận thông tin hợp lệ, quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, quyền kiến nghị và quyền yêu cầu giải trình theo quy định.

2. Hội đồng quản trị không được phân biệt đối xử trái pháp luật giữa các cổ đông cùng loại cổ phần, không được cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền cổ đông, không được sử dụng thông tin bất cân xứng gây thiệt hại cho cổ đông hoặc làm méo mó quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc giao tiếp, cung cấp thông tin, tiếp nhận kiến nghị của cổ đông phải được thực hiện theo cơ chế thống nhất, minh bạch, có đầu mối rõ ràng và có lưu vết xử lý.

#### **Điều 46. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị và tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan; bảo đảm hồ sơ, tài liệu, chương trình họp, dự thảo nghị quyết và công tác tổ chức phục vụ Đại hội đồng cổ đông được thực hiện đúng thời hạn, đầy đủ và minh bạch.

2. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông phải được chuẩn bị cẩn trọng, không giấu thông tin bất lợi trọng yếu, không diễn giải một chiều gây hiểu nhầm, bảo đảm cổ đông có cơ sở thực chất để thảo luận và quyết định.

3. Sau Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức triển khai nghị quyết, công khai nội dung theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp phù hợp.

**Điều 47. Cơ chế tiếp nhận và xử lý kiến nghị, yêu cầu, khiếu nại của cổ đông**

1. Hội đồng quản trị tổ chức đầu mối tiếp nhận kiến nghị, yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của cổ đông theo đúng thẩm quyền và trình tự; bảo đảm việc tiếp nhận, phân loại, giải quyết, phản hồi được thực hiện khách quan, kịp thời, có hồ sơ theo dõi.

2. Những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được xem xét, trả lời hoặc đưa vào chương trình họp để xử lý. Những nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được chuyển đúng cơ quan, chủ thể có thẩm quyền và thông báo cho cổ đông biết.

3. Hội đồng quản trị không được né tránh, chậm trễ hoặc làm hình thức việc xử lý kiến nghị, phản ánh hợp lệ của cổ đông.

**Điều 48. Quan hệ với người đại diện phần vốn và doanh nghiệp có vốn góp của Công ty**

1. Hội đồng quản trị quyết định cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá và chỉ đạo đối với người đại diện phần vốn, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ.

2. Người đại diện phần vốn có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong các vấn đề thuộc phạm vi được quy định; đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc bảo vệ lợi ích của Công ty tại doanh nghiệp có vốn góp.

3. Hội đồng quản trị định kỳ đánh giá hiệu quả phần vốn góp, hiệu quả hoạt động của người đại diện và chất lượng quản trị tại doanh nghiệp có vốn góp; kịp thời thay thế hoặc chấn chỉnh khi cần thiết.

## **CHƯƠNG VIII**

### **THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ DỮ LIỆU**

**Điều 49. Nguyên tắc quản lý thông tin, báo cáo và dữ liệu**

1. Thông tin, báo cáo và dữ liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị phải được quản lý thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật và có khả năng truy xuất. Đây là nền tảng để Hội đồng quản trị ra quyết định đúng đắn, giám sát hiệu quả và thực hiện trách nhiệm giải trình.

2. Hội đồng quản trị phải thiết lập yêu cầu tối thiểu về chuẩn dữ liệu, biểu mẫu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, đầu mối chịu trách nhiệm, cơ chế xác nhận số liệu và chế tài đối với báo cáo chậm, thiếu hoặc sai.

3. Mọi báo cáo trình Hội đồng quản trị phải có nguồn dữ liệu rõ ràng, được kiểm tra chéo khi cần thiết và không được bóp méo để phục vụ mục tiêu cá nhân hoặc lợi ích cục bộ.

#### **Điều 50. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu và dữ liệu cần thiết để thực hiện chức trách; được yêu cầu người quản lý, cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp, giải trình, làm rõ thông tin trong phạm vi phục vụ hoạt động quản trị và giám sát.

2. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin của thành viên Hội đồng quản trị chỉ được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc do yêu cầu bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật điều tra, bí mật theo yêu cầu pháp lý đặc biệt; trong trường hợp đó phải nêu rõ căn cứ và phương thức tiếp cận thay thế nếu có.

3. Thành viên Hội đồng quản trị khi tiếp cận thông tin có nghĩa vụ sử dụng đúng mục đích, giữ bí mật và không cung cấp trái phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

#### **Điều 51. Hệ thống báo cáo phục vụ Hội đồng quản trị**

1. Hệ thống báo cáo phục vụ Hội đồng quản trị bao gồm báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề. Báo cáo định kỳ được thực hiện theo tháng, quý, năm hoặc theo chu kỳ khác do Hội đồng quản trị quy định.

2. Báo cáo phải phản ánh trung thực tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ, hiệu quả, rủi ro và các vấn đề trọng yếu cần Hội đồng quản trị xem xét; đồng thời phải nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp khắc phục khi có sai lệch.

3. Người ký báo cáo và người cung cấp số liệu nền có trách nhiệm liên đới về độ chính xác, trung thực và đầy đủ của báo cáo trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 52. Cơ sở dữ liệu quản trị và lưu trữ điện tử**

1. Công ty phải từng bước xây dựng, chuẩn hóa và vận hành cơ sở dữ liệu quản trị phục vụ Hội đồng quản trị theo hướng số hóa, liên thông, bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn thông tin và khả năng truy xuất lịch sử dữ liệu.

2. Dữ liệu quản trị tối thiểu bao gồm dữ liệu về sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư, hợp đồng, công nợ, tồn kho, nhân sự, tiền lương, pháp lý, công ty con, phần vốn góp, tài sản, dự án, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực trọng yếu khác.

3. Hội đồng quản trị khuyến khích và giám sát việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản trị doanh nghiệp và nền tảng số để tăng chất lượng thông tin, giảm độ trễ báo cáo và nâng cao năng lực quản trị.

**Điều 53. Công bố thông tin và phát ngôn liên quan đến Hội đồng quản trị**

1. Công bố thông tin thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng nội dung, đúng hình thức và đúng đầu mối theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định nội bộ của Công ty.

2. Chỉ người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền hợp lệ mới được phát ngôn, cung cấp thông tin chính thức liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không được tự ý phát ngôn nhân danh Hội đồng quản trị nếu không được phân công hoặc ủy quyền.

3. Trường hợp phát hiện thông tin sai lệch, thông tin bị rò rỉ hoặc có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến quyền lợi hợp pháp của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chỉ đạo xử lý, đính chính, công bố hoặc áp dụng biện pháp kiểm soát phù hợp theo quy định.

**Điều 54. Bảo mật, an toàn dữ liệu và trách nhiệm lưu giữ**

1. Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty, Tổng Giám đốc, người quản lý và các chủ thể liên quan có trách nhiệm bảo vệ an toàn thông tin, dữ liệu và hồ sơ quản trị; không để mất, hủy hoại, sửa đổi trái phép, truy cập trái phép hoặc lộ lọt thông tin quan trọng của Công ty.

2. Hồ sơ, dữ liệu của Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo đúng thời hạn, đúng chế độ lưu trữ, bảo đảm có bản gốc, bản điện tử hoặc bản sao hợp lệ phục vụ kiểm tra, đối chiếu, giải trình và cung cấp cho chủ thể có thẩm quyền.

3. Hành vi làm thất lạc, tiêu hủy trái phép, làm sai lệch hoặc sử dụng trái phép hồ sơ, dữ liệu của Hội đồng quản trị là vi phạm nghiêm trọng và phải bị xử lý.

**CHƯƠNG IX**

**TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 55. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; bảo đảm Hội đồng quản trị hoạt động đúng pháp luật, đúng Điều lệ, đúng Quy chế này, đúng thẩm quyền và đạt hiệu quả quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về chất lượng điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị, chất lượng chuẩn bị chương trình họp, việc duy trì kỷ luật quản trị, việc theo dõi thực hiện nghị quyết và việc xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền.

3. Trường hợp để xảy ra vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động của Hội đồng quản trị do buông lỏng tổ chức thực hiện, che giấu thông tin, không xử lý cảnh báo, không triệu tập họp khi cần thiết hoặc lạm dụng quyền hạn, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm theo quy định.

#### **Điều 56. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham gia đầy đủ, nghiên cứu kỹ tài liệu, phát biểu trung thực, phản biện có căn cứ, biểu quyết độc lập, giám sát tích cực và thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được phân công.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được thụ động, hình thức, né tránh trách nhiệm, biểu quyết theo cảm tính, biểu quyết khi chưa đủ thông tin hoặc dựa vào sự chỉ đạo không hợp lệ từ bên ngoài.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm cá nhân khi vi phạm nghĩa vụ trung thành, cẩn trọng, liêm chính; khi không công khai xung đột lợi ích; khi sử dụng thông tin nội bộ trái phép; khi chấp thuận quyết định trái pháp luật hoặc khi không thực hiện trách nhiệm cảnh báo rủi ro mà mình biết hoặc phải biết.

#### **Điều 57. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc, người quản lý và các tập thể, cá nhân liên quan**

1. Tổng Giám đốc, người quản lý và các tập thể, cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ nghị quyết, quyết định hợp pháp của Hội đồng quản trị; cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình, hồ sơ, dữ liệu đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn và tổ chức thực hiện các nội dung được giao.

2. Trường hợp không thực hiện, thực hiện chậm, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện sai nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các chủ thể liên quan phải giải trình nguyên nhân và chịu trách nhiệm theo quy định.

3. Trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp thực tiễn, Tổng Giám đốc và các chủ thể liên quan có trách nhiệm báo cáo để Hội đồng quản trị xem xét lại, không được tự ý làm trái hoặc bỏ mặc không thực hiện mà không có báo cáo.

#### **Điều 58. Các hành vi vi phạm trong hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Các hành vi vi phạm bao gồm nhưng không giới hạn ở việc vượt thẩm quyền; không tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; che giấu thông tin; cung cấp thông tin sai lệch; không công khai xung đột lợi ích; lạm dụng chức vụ, quyền hạn; lợi dụng thông tin nội bộ; cản trở giám sát; hợp thức hóa hồ sơ; ra quyết định thiếu căn cứ gây thiệt hại; không chấp hành chế độ báo cáo, giải trình, lưu trữ và bảo mật thông tin.

2. Hành vi vi phạm được xem xét trên cơ sở tính chất, mức độ, hậu quả, động cơ, vai trò của chủ thể vi phạm, khả năng khắc phục hậu quả và mức độ hợp tác trong quá trình xử lý.

#### **Điều 59. Nguyên tắc và hình thức xử lý vi phạm**

1. Việc xử lý vi phạm phải kịp thời, khách quan, công bằng, công khai trong nội bộ cần thiết, đúng thẩm quyền và đúng trình tự; bảo đảm không bỏ lọt vi phạm nhưng cũng không suy đoán bất lợi khi chưa có căn cứ.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, chủ thể vi phạm có thể bị nhắc nhở, phê bình, yêu cầu giải trình, yêu cầu khắc phục, cảnh cáo, miễn tham gia quyết định có liên quan, thu hồi ủy quyền, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc bị chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Hội đồng quản trị hoặc Công ty phải thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi tài sản, giảm thiểu thiệt hại và yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 60. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, người quản lý và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung không còn phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc thực tiễn quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm đề xuất Hội đồng quản trị xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành. Các quy định trước đây của Công ty về quy trình, chế độ làm việc của Hội đồng quản trị trái với Quy chế này hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Chu Văn Đệ**